SỞ Y TẾ AN GIANG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
KHU VỰC TÂN CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Châu ngày 26 tháng 9 năm 2023

BẢNG GIÁ THUỐC NĂM 2023-2025
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TÂN CHÂU

Theo Quyết định số 799/QĐ-SYT ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Sở Y tế An Giang
Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho các cơ sở y tế trong tỉnh An Giang

STT	MA_THUOC	TEN_HOAT_CHAT	TEN_THUOC	DON_VI_TINH	HAM_LUONG	DUONG_DUNG	MA_DUONG_	SO_DANG_KY	SO_LUONG	DON_GIA	NHA_SX	NUOC_SX	NHA_THAU	TT_THAU
1	40.844	Acetazolamid	ACETAZOLAMID	Viên	250mg	Uống	1.01	VD-27844-17	10000	974	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
2	40.685	Acetyl leucin	Tanganil 500mg	Viên	500mg	Uống	1.01	VN-22534-20	6000	4612	Pierre Fabre Medicament Production	Pháp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
3	40.685	Acetyl leucin	Gikanin	Viên	500mg	Uống	1.01	VD-22909-15	120000	393	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
4	40.685	Acetyl leucin	Vintanil 1000	Ống	1000mg/10ml	Tiêm	2.10	VD-27160-17	3000	24000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
5	40.685	Acetyl leucin	Zentanil 500mg/5ml	Lọ	500mg/5ml	Tiêm	2.10	VD-33432-19	3000	12000	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
6	40.538	Acetylsalicylic acid (DL-lysin-acetylsalicylat)	ASPIRIN 81	Viên	81mg	Uống	1.01	VD-29659-18	240000	68	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
7	40.538	Acetylsalicylic acid (DL-lysin-acetylsalicylat)	Aspirin Stella 81mg	Viên	81mg	Uống	1.01	VD-27517-17	240000	340	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
8	40.30.554	Acetylsalicylic acid + clopidogrel	Clopiaspirin 75/100	Viên	100mg ; 75mg	Uống	1.01	VD-34727-20	60000	9500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
9	40.30.554	Acetylsalicylic acid + clopidogrel	Duoridin	Viên	100mg + 75mg	Uống	1.01	VD-29590-18	60000	5000	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Y.A.C	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
10	40.260	Aciclovir	Medskin Clovir 400	viên	400mg	Uống	1.01	VD-22034-14	6000	1815	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	CÔNG TY CP DƯỢC HẬU GIANG	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
11	40.260	Aciclovir	Acyclovir	Tuýp	5%/5g	Dùng ngoài	3.05	VD-24956-16	3000	3780	Công ty cổ phần dược Medipharco	Việt Nam	CÔNG TY CP DƯỢC MEDIPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
12	40.260	Aciclovir	Acyclovir 3%	Tuýp	3%, 5g	Tra mắt	6.02	VD-27017-17	200	48000	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM META	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
13	40.260	Aciclovir	ACYCLOVIR 800	viên	800mg	Uống	1.01	VD-34275-20	12000	1029	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89

14	40.1011	Acid amin*	Neoamiyu	Túi	(1,5g + 2g + 1,4g + 1g + 1g +	Tiêm truyền	2.15	VN-16106-13	200	116258	Ay Pharmaceuticals Co., Ltd	Nhật	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
15	40.1011	Acid amin*	Amiparen- 5	Chai	Mỗi 200ml chứa: L	Tiêm truyền	2.15	VD-28286-17	600	66000	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	799/QĐ-SYT(1717);G1;N4;2023;89
16	40.30.981	Acid amin*	Amiparen - 10	Chai	Các Axit amin	Tiêm truyền	2.15	VD-15932-11	300	63000	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	799/QĐ-SYT(1717);G1;N4;2023;89
17	40.482	Adenosin triphosphat	Adenorythm	Lọ	3mg/ml	Tiêm	2.10	VN-22115-19	100	850000	Vianex S.A.- Plant A´	Hy Lạp	CÔNG TY TNHH DƯỢC TÂM ĐAN	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
18	40.455	Albumin	Albutein	Chai	25% x 50ml	Truyền tĩnh mạch	2.14	VN-16274-13	240	849000	Grifols Biologicals LLC	Mỹ	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT(1717);G1;N1;2023;89
19	40.66	Alendronat natri + cholecalciferol (Vitamin D3)	Fosamax Plus 70mg/5600IU	Viên	70mg + 5600IU (dưới	Uống	1.01	VN-19253-15	100	114180	Rovi Pharma Industrial Services, S.A.	Tây Ban Nha	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
20	40.412	Alfuzosin	Gourcuff-5	Viên	5mg	Uống	1.01	VD-28912-18	120000	5000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MKT	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
21	40.412	Alfuzosin	Xatral XL 10mg	Viên	10mg	Uống	1.01	VN-22467-19	3000	15291	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
22	40.412	Alfuzosin	Prolufo	Viên	10mg	Uống	1.01	VN-23223-22	50000	6200	Gracure Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ HƯNG THỊNH	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
23	40.412	Alfuzosin	Alsiful S.R. Tablets 10mg	Viên	10mg	Uống	1.01	VN-22539-20	50000	6800	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd.; 2nd plant	Đài Loan	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM AN KHANG	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
24	40.412	Alfuzosin	Alanboss XL 10	viên	10mg	Uống	1.01	VD-34894-20	50000	6800	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC VIỆT	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
25	40.59	Allopurinol	Sadapron 100	Viên	100mg	Uống	1.01	VN-20971-18	50000	1750	Remedica Ltd.	Síp	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
26	40.59	Allopurinol	Darinol 300	Viên	300mg	Uống	1.01	VD-28788-18	50000	505	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
27	40.59	Allopurinol	Allopurinol	Viên	300mg	Uống	1.01	VD-25704-16	50000	450	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
28	40.67	Alpha chymotrypsin	Statripsine	Viên	4,2mg	Uống	1.01	VD-21117-14	30000	644	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
29	40.67	Alpha chymotrypsin	Katrypsin	Viên	4200IU (21microkatals)	Uống	1.01	VD-18964-13	30000	140	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
30	40.539	Alteplase	Actilyse	Lọ	50mg	Tiêm	2.10	QLSP-948-16	30	10323588	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
31	40.662	Aluminum phosphat	Phosphalugel	Gói	12,38g/gói 20g	Uống	1.01	VN-16964-13	4800	3751	Pharmatis	Pháp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
32	40.316	Amikacin	Itamekacin 1000	Ống	1g/4ml	Tiêm	2.10	VD-28606-17	500	37800	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN AFP GIA VŨ	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
33	40.483	Amiodaron hydroclorid	Amiodarona GP	Viên	200 mg	Uống	1.01	VN-23269-22	5000	6619	Farmalabor Produtos Farmacêuticos, S.A (Fab.)	Bồ Đào Nha	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89

34	40.483	Amiodaron hydroclorid	Amcoda 200	Viên	200mg	Uống	1.01	VD-32534-19	5000	2590	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
35	40.483	Amiodaron hydroclorid	Cordarone 150mg/3ml	Ống	150mg/ 3ml	Tiêm	2.10	VN-20734-17	500	30048	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
36	40.483	Amiodaron hydroclorid	BFS - Amiron	Lọ	150mg/ 3ml	Tiêm	2.10	VD-28871-18	500	24000	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
37	40.491	Amlodipin	Kavasdin 5	Viên	5mg	Uống	1.01	VD-20761-14	480000	98	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
38	40.491	Amlodipin	Kavasdin 10	Viên	10mg	Uống	1.01	VD-20760-14	240000	335	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠI PHÁT	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
39	40.491	Amlodipin	Kavasdin 5	Viên	5mg	Uống	1.01	VD-20761-14	240000	98	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023
40	40.30.495	Amlodipin + atorvastatin	ZOAMCO-A	Viên	5mg + 10mg	Uống	1.01	VD-36187-22	48000	3195	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	CTY TNHH DƯỢC HỒNG LỘC PHÁT	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
41	40.30.496	Amlodipin + losartan	Troysar AM	Viên	5mg + 50mg	Uống	1.01	VN-23093-22	48000	5200	Troikaa Pharmaceuticals Ltd	Ấn Độ	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ ÂU VIỆT	799/QĐ-SYT;G1;N5;2023;89
42	40.154	Amoxicilin	SM.Amoxicillin 500	Viên	500mg	Uống	1.01	VD-34374-20	60000	1999	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM MINH HIỀN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
43	40.155	Amoxicilin + acid clavulanic	Imefed 250mg/31,25mg	Gói	250mg + 31,25mg	Uống	1.01	VD-31714-19	12000	7500	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm - Nhà máy kháng sinh công	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
44	40.155	Amoxicilin + acid clavulanic	Midagentin 250/31,25	Gói	250mg + 31,25mg	Uống	1.01	VD-22488-15	30000	1042	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
45	40.155	Amoxicilin + acid clavulanic	Midagentin 250/62,5	Gói	250mg + 62,5mg	Uống	1.01	VD-24800-16	30000	1612	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
46	40.155	Amoxicilin + acid clavulanic	AUGXICINE 500mg/ 62,5mg	Gói	500mg + 62,5mg	Uống	1.01	VD-30557-18	30000	1659	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
47	40.155	Amoxicilin + acid clavulanic	Auclanityl 500/125mg	Viên	500 mg + 125mg	Uống	1.01	VD-29841-18	24000	1700	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
48	40.155	Amoxicilin + acid clavulanic	AUGXICINE 625	viên	500mg + 125mg	Uống	1.01	VD-22533-15	24000	1680	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
49	40.155	Amoxicilin + acid clavulanic	Auclanityl 875/125mg	Viên	875mg; 125mg	Uống	1.01	VD-27058-17	24000	4000	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VŨ DUY	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
50	40.155	Amoxicilin + acid clavulanic	Auclatyl 875/125mg	Viên	875mg + 125mg	Uống	1.01	VD-29842-18	24000	2180	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
51	40.155	Amoxicilin + acid clavulanic	Iba-Mentin 1000mg/62,5mg	Viên	1000mg + 62,5 mg	Uống	1.01	VD-28065-17	12000	15781	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương 1-Pharbaco	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
52	40.549	Atorvastatin	Insuact 10	Viên	10mg	Uống	1.01	VD-29107-18	120000	350	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
53	40.549	Atorvastatin	Atorvastatin 10	Viên	10mg	Uống	1.01	VD-21312-14	120000	112	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89

54	40.549	Atorvastatin	Lipvar 20	viên	20mg	Uống	1.01	VD-29524-18	120000	344	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	CÔNG TY CP DƯỢC HẬU GIANG	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
55	40.549	Atorvastatin	Lipotatin 20mg	viên	20mg	Uống	1.01	VD-24004-15	120000	450	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIM PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
56	40.549	Atorvastatin	Atorvastatin 20	Viên	20mg	Uống	1.01	VD-33343-19	120000	150	Công ty cổ phần dược Medipharco	Việt Nam	CÔNG TY CP DƯỢC MEDIPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
57	40.923	Atosiban	Atosiban Pharmidea 37,5mg/5ml	Lọ	37.5mg/5ml	Tiêm truyền	2.15	VN-21218-18	100	1890000	Sia Pharmidea	Latvia	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT - PHÁP	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
58	40.1	Atropin sulfat	Atropin Sulphat	Ống	0,25mg/ml	Tiêm	2.10	VD-24376-16	1000	428	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
59	40.219	Azithromycin	AGITRO 500	Viên	500mg	Uống	1.01	VD-34102-20	4800	2630	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
60	40.219	Azithromycin	AGITRO 500	Viên	500mg	Uống	1.01	VD-34102-20	4800	2630	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
61	40.718	Bacillus subtilis	Biosubtyl-II	Viên	10^7-10^8 CFU/250m	Uống	1.01	QLSP-856-15	60000	1500	Công ty cổ phần Vắc xin và sinh phẩm Nha Trang	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
62	40.718	Bacillus subtilis	DOMUVAR	Ống	2x10^9 CFU (2 tỷ)/5ml	Uống	1.01	QLSP-902-15	30000	5500	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	CÔNG TY TNHH SAN TA VIỆT NAM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
63	40.972	Bambuterol	Bambuterol 20 A.T	Viên	20mg	Uống	1.01	VD-34137-20	30000	1260	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CP DP AN THIÊN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
64	40.899	Betahistin	Betahistin 8 A.T	Viên	8mg	Uống	1.01	VD-25651-16	120000	165	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CP DP AN THIÊN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
65	40.899	Betahistin	Divaser	Viên	8mg	Uống	1.01	VD-28453-17	120000	840	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
66	40.899	Betahistin	Betaserc 24mg	Viên	24mg	Uống	1.01	VN-21651-19	5000	5962	Mylan Laboratories SAS	Pháp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
67	40.899	Betahistin	Agihistine 24	Viên	24mg	Uống	1.01	VD-32774-19	120000	2780	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
68	40.758	Betamethason	Hemprenol	Tuýp	0,064%; 20g	Dùng ngoài	3.05	VD-28796-18	300	27000	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
69	40.493	Bisoprolol	Biscapro 2,5	viên	2,5 mg	Uống	1.01	VD-28288-17	240000	320	Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
70	40.493	Bisoprolol	Bisostad 5	viên	5mg	uống	1.01	VD-23337-15	48000	698	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TÂY NINH	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
71	40.493	Bisoprolol	Bisoprolol	Viên	5mg	Uống	1.01	VD-22474-15	48000	140	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
72	40.493	Bisoprolol	Prololsavi 10	Viên	10mg	Uống	1.01	VD-29115-18	48000	2950	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
73	40.493	Bisoprolol	VACOROLOL 2,5	Viên	2,5mg	Uống	1.01	VD-34808-20	240000	137	Công ty Cổ phần Dược Vacopharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89

74	40.494	Bisoprolol + hydroclorothiazid	Bisoprolol Plus HCT 2.5/6.25	Viên	2,5mg + 6,25mg	Uống	1.01	VD-20806-14	120000	2200	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Y ĐÔNG	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
75	40.852	Brinzolamid	Azopt	Lọ	10mg/ml	Nhỏ mắt	6.01	VN-21090-18	500	116700	Alcon Research, LLC.	Mỹ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
76	40.989	Bromhexin hydroclorid	Bromhexine A.T	Ống	4mg/5ml	Uống	1.01	VD-25652-16	30000	1512	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DP NGUYÊN ANH KHOA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
77	40.989	Bromhexin hydroclorid	Bromhexin	Viên	8mg	Uống	1.01	VD-31731-19	120000	50	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
78	40.761	Budesonid	BENITA	Lọ	64mcg/ 0,05ml	Xịt mũi	5.07	VD-23879-15	200	90000	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
79	40.1031	Calci carbonat	Kitno	Viên	625mg	Uống	1.01	VD-27984-17	120000	1400	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DP NGUYÊN ANH KHOA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
80	40.1032	Calci carbonat + calci gluconolactat	GONCAL	Viên	150mg + 1.470mg	Uống	1.01	VD-20946-14	120000	1950	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY TNHH SAN TA VIỆT NAM	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
81	40.1032	Calci carbonat + calci gluconolactat	CALCIUM STELLA 500MG	Viên	300mg + 2.940mg	Uống	1.01	VD-27518-17	30000	3500	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
82	40.1033	Calci carbonat + vitamin D3	Calci D-Hasan	viên	1250mg + 440IU	Uống	1.01	VD-35493-21	60000	1197	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC VIỆT	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
83	40.1014	Calci clorid	Calci clorid 500mg/ 5ml	Ống	500mg/ 5ml	Tiêm	2.10	VD-22935-15	6000	843	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
84	40.98	Calci gluconat	Growpone 10%	Ống	10%/10ml	Tiêm	2.10	VN-16410-13	3000	13300	Farmak JSC	Ukraine	CÔNG TY TNHH DP MINH TRÍ	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
85	40.1038	Calci glycerophosphat + magnesi gluconat	Notired Eff Strawberry	Viên	456mg + 426mg	Uống	1.01	VD-23875-15	30000	3990	Bidiphar	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN SUNDIAL PHARMA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
86	40.1034	Calci lactat	Calcium Lactate 300 Tablets	viên	300mg	Uống	1.01	6573/QLD-KD	120000	2000	Remedica Ltd	Síp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
87	40.1034	Calci lactat	CLIPOXID-300	Viên	300mg	Uống	1.01	VD-34168-20	120000	1800	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
88	40.68	Calcitonin	Rocalcic 100	Ống	100IU/1ml, ống 1ml	Tiêm	2.10	VN-20613-17	100	90000	Panpharma GmbH	Đức	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM PHƯƠNG LINH	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
89	40.68	Calcitonin	Rocalcic 50	Ống	50UI/ml. ống 1ml	Tiêm	2.10	VN-20345-17	100	56000	Panpharma GmbH	Đức	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM PHƯƠNG LINH	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
90	40.1040	Calcitriol	Usarichcatrol	Viên	0,25mcg	Uống	1.01	VD-21192-14	120000	295	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú - Chi nhánh nhà máy	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
91	40.495	Candesartan	Cancetil	Viên	8mg	Uống	1.01	VD-21076-14	24000	450	Công ty TNHH DP Shinpoong Daewoo	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SHINPOONG DAEWOO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
92	40.495	Candesartan	Candesartan DWP 12mg	Viên	12mg	Uống	1.01	VD-36172-22	240000	1491	Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯỜNG THÀNH	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
93	40.495	Candesartan	Candekern 16mg Tablet	viên	16mg	Uống	1.01	VN-20455-17	48000	6700	Kern Pharma S.L.	Tây Ban Nha	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89

94	40.495	Candesartan	Guarente-16	Viên	16mg	Uống	1.01	VD-28460-17	48000	3990	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
95	40.495	Candesartan	Cancetil	Viên	16mg	Uống	1.01	VD-21075-14	120000	660	Công ty TNHH DP Shinpoong Daewoo	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SHINPOONG DAEWOO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
96	40.495	Candesartan	Candesartan STADA 4mg	Viên	4mg	Uống	1.01	VD-34960-21	48000	2699	Nhà máy Stada Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ USS PHARMA	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
97	40.495	Candesartan	Candesartan STADA 4mg	Viên	4mg	Uống	1.01	VD-34960-21	48000	2699	Nhà máy Stada Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ USS PHARMA	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
98	40.30.508	Candesartan + hydrochlorothiazid	Acantan HTZ 8-12.5	Viên	8mg + 12,5mg	Uống	1.01	VD-30299-18	120000	2982	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯỜNG THÀNH	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
99	40.30.508	Candesartan + hydrochlorothiazid	CKDCandemore Plus tab. 16/12.5mg	Viên	16mg + 12.5mg	Uống	1.01	VN-18626-15	48000	3900	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp.	Hàn Quốc	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIẾN PHÁT	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
100	40.30.508	Candesartan + hydrochlorothiazid	Cancetil Plus	Viên	16mg + 12,5mg	Uống	1.01	VD-21760-14	120000	1350	Công ty TNHH DP Shinpoong Daewoo	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SHINPOONG DAEWOO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
101	40.734	Cao ginkgo biloba + heptaminol clohydrat +	Dopolys-S	Viên	14mg+300 mg+300mg	Uống	1.01	VD-34855-20	3000	3210	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
102	40.496	Captopril	CAPTAGIM	Viên	25mg	Uống	1.01	VD-24114-16	48000	104	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
103	40.496	Captopril	Captopril Stada 25mg	Viên	25mg	Uống	1.01	VD-35366-21	48000	445	Nhà máy Stada Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ USS PHARMA	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
104	40.496	Captopril	Captopril Stada 25mg	Viên	25mg	Uống	1.01	VD-35366-21	48000	445	Nhà máy Stada Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ USS PHARMA	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
105	40.440	Carbazochrom	Bacom-BFS	Ống	25mg/5ml	Tiêm	2.10	VD-33151-19	2400	31500	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
106	40.914	Carbetocin	Duratocin	Lọ	100mcg/1 ml	Tiêm	2.10	VN-19945-16	200	358233	Ferring GmbH	Đức	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
107	40.914	Carbetocin	Hemotocin	Lọ	100mcg/1 ml	Tiêm	2.10	VD-26774-17	200	346000	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
108	40.990	Carbocistein	Carbocistein 375 DT	Viên	375mg	Uống	1.01	VD-35000-21	24000	3700	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
109	40.990	Carbocistein	Ausmuco 750V	Viên	750mg	Uống	1.01	VD-31668-19	48000	2499	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯỜNG THÀNH	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
110	40.497	Carvedilol	Cypdicar 6,25 Tablets	Viên	6,25mg	Uống	1.01	VN-18254-14	120000	1698	Remedica Ltd.	Síp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SONG VIỆT	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
111	40.531	Carvedilol	SaVi Carvedilol 6.25	Viên	6,25mg	Uống	1.01	VD-23654-15	48000	495	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
112	40.531	Carvedilol	Carsantin 6,25 mg	viên	6,25mg	Uống	1.01	VD-29481-18	24000	441	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
113	40.161	Cefaclor	SCD Cefaclor 250mg	Viên	250mg	Uống	1.01	VD-26433-17	24000	3450	Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89

114	40.161	Cefaclor	Ceplorvpc 500	Viên	500mg	Uống	1.01	VD-29712-18	12000	8100	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
115	40.163	Cefalexin	Cephalexin PMP 500	Viên	500mg	Uống	1.01	VD-24430-16	24000	1350	Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
116	40.163	Cefalexin	Opxil IMP 500mg	Viên	500mg	Uống	1.01	VD-30400-18	24000	3790	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
117	40.166	Cefazolin	Cefazolin 1g	Lọ	1g	Tiêm	2.10	VD-24227-16	1000	6635	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
118	40.166	Cefazolin	Zepilen 1g	Lọ	1g	Tiêm	2.10	VN-20802-17	1000	26000	Medochemie LTD	Síp	CÔNG TY CỔ PHẦN EUTICAL	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
119	40.166	Cefazolin	Zolifast 1000	Lọ	1g	Tiêm	2.10	VD-23021-15	1000	17388	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC VSK	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
120	40.169	Cefixim	Imexime 50	Gói	50mg	Uống	1.01	VD-31116-18	24000	5000	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
121	40.169	Cefixim	Cefixime 50mg	Gói	50mg	Uống	1.01	VD-32525-19	24000	805	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
122	40.169	Cefixim	Cefixime 50mg	Gói	50mg	Uống	1.01	VD-32525-19	24000	805	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
123	40.169	Cefixim	Cefixime 100mg	Gói	100mg	Uống	1.01	VD-32524-19	24000	977	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
124	40.169	Cefixim	Imerixx 200	Viên	200mg	Uống	1.01	VD-32836-19	12000	5920	Chi nhánh 3 - Công ty CP Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DP HIỀN MAI	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
125	40.170	Cefmetazol	Cemetajin 1g inj	Lọ	1g	Tiêm	2.10	VN-22354-19	2400	51000	Yungjin Pharm. Co., Ltd.	Hàn Quốc	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIẾN PHÁT	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
126	40.171	Cefoperazon	Ceraapix	Lọ	1g	Tiêm	2.10	VD-20038-13	2400	46000	Công ty Cổ phần Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TND VIỆT NAM	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
127	40.173	Cefotaxim	CEFOVIDI	lọ	1g	Tiêm	2.10	VD-31975-19	60000	5250	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
128	40.176	Cefpirom	Astode 2g	Lọ	2g	Tiêm	2.10	VN-22551-20	500	260000	Swiss Parenterals Ltd.	Ấn Độ	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
129	40.179	Ceftazidim	POXIMVID	lọ	1g	tiêm	2.10	VD-19491-13	6000	9765	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
130	40.183	Ceftriaxon	Ceftriaxone 1g	Lọ	1g	Tiêm	2.10	VD-24797-16	60000	6442	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
131	40.184	Cefuroxim	Cefuroxim 250	Viên	250mg	Uống	1.01	VD-26779-17	24000	1399	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
132	40.184	Cefuroxim	Cefuroxime 125mg	Gói	125mg	Uống	1.01	VD-23598-15	24000	1617	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
133	40.184	Cefuroxim	Cefuroxime 125mg	Gói	125mg	Uống	1.01	VD-23598-15	24000	1617	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89

134	40.184	Cefuroxim	Cefcenat 500	Viên	500mg	Uống	1.01	VD-32889-19	24000	2450	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
135	40.184	Cefuroxim	Travinat 500mg	Viên	500mg	Uống	1.01	VD-19501-13	24000	2498	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
136	40.28	Celecoxib	Agilecox 200	Viên	200mg	Uống	1.01	VD-25523-16	120000	1680	Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DP HIỀN MAI	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
137	40.28	Celecoxib	Celecoxib	Viên	200mg	Uống	1.01	VD-33466-19	30000	348	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
138	40.81	Chlorpheniramin (hydrogen maleat)	Clorpheniramin	Viên	4mg	Uống	1.01	VD-32848-19	240000	41	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
139	40.498	Cilnidipin	KALDALOC	Viên	10mg	Uống	1.01	VD-33382-19	120000	5350	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
140	40.498	Cilnidipin	Esseil-5	Viên	5mg	Uống	1.01	VD-28905-18	48000	3500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ QUẢNG TRỊ	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
141	40.498	Cilnidipin	Atelec Tablets 10	Viên	10mg	Uống	1.01	VN-15704-12	24000	9000	EA Pharma Co., Ltd.	Nhật	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
142	40.498	Cilnidipin	Esseil-10	Viên	10mg	Uống	1.01	VD-28904-18	120000	6500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MKT	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
143	40.227	Ciprofloxacin	Ciprofloxacin	Viên	500mg	Uống	1.01	VD-30407-18	24000	750	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
144	40.227	Ciprofloxacin	Ciprofloxacin 200mg/ 100ml	Lọ	200mg/ 100ml	Tiêm	2.10	VD-34943-21	3000	12630	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
145	40.227	Ciprofloxacin	Proxacin 1%	Lọ	200mg/20 ml	Tiêm	2.10	VN-15653-12	10000	136000	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A	Ba Lan	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
146	40.227	Ciprofloxacin	Basmicin 200	Lọ	200mg/20 ml	Tiêm	2.10	VD-19469-13	6000	49900	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VÀ VẬT TƯ Y TẾ NINH THUẬN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
147	40.227	Ciprofloxacin	Quinrox 400/40	Lọ	400mg/40 ml	Tiêm	2.10	VD-27088-17	3000	104000	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
148	40.227	Ciprofloxacin	Basmicin 400	Lọ	400mg/200 ml	Tiêm	2.10	VD-18768-13	3000	51000	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung Ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HELIOS	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
149	40.220	Clarithromycin	AGICLARI 500	Viên	500mg	Uống	1.01	VD-33368-19	4800	1890	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
150	40.220	Clarithromycin	AGICLARI 500	Viên	500mg	Uống	1.01	VD-33368-19	4800	1890	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
151	40.594	Clobetasol propionat	β-Sol	Tube	5mg	Dùng ngoài	3.05	VD-19833-13	200	9200	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT(1717);G1;N4;2023;89
152	40.540	Clopidogrel	DogrelSaVi	Viên	75mg	Uống	1.01	VD-31847-19	120000	685	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
153	40.540	Clopidogrel	Tunadimet	Viên	75mg	Uống	1.01	VD-27922-17	120000	279	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89

154	40.540	Clopidogrel	Plavix	Viên	300mg	Uống	1.01	VN-18879-15	2400	54746	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
155	40.943	Clorpromazin	Aminazin 25mg	Viên	25mg	Uống	1.01	VD-28783-18	1000	105	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
156	40.285	Clotrimazol	Wzitamy TM	Viên	200mg	Đặt âm đạo	4.01	VD-33535-19	2400	6000	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DP NGUYÊN ANH KHOA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
157	40.285	Clotrimazol	ZOLOMAX FORT	Viên	500mg	Đặt âm đạo	4.01	VD-26726-17	1200	6300	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
158	40.61	Colchicin	Colchicin	Viên	1mg	Uống	1.01	VD-22172-15	12000	255	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
159	40.249	Colistin*	COLISODI 1,0 MIU	Lọ	1.000.000 IU	Tiêm	2.10	VD-34657-20	500	165000	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CP DP AN THIÊN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
160	40.249	Colistin*	Colistin 1 MIU	Lọ	1MIU	Tiêm	2.10	VD-35188-21	200	330000	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm - Nhà máy công nghệ cao	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
161	40.600	Crotamiton	Crotamiton Stella 10%	Tuýp	2g/20g	Dùng ngoài	3.05	VD-24574-16	200	24000	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
162	40.69	Cytidin-5monophosphat disodium + uridin	HORNOL	Viên	5mg+ 3mg	Uống	1.01	VD-16719-12	120000	4200	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
163	40.30.771	Dapagliflozin	Forxiga	Viên	10mg	Uống	1.01	VN3-37-18	5000	19000	CSSX: AstraZeneca Pharmaceuticals LP; CSĐG và xuất xưởng lô:	Mỹ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
164	40.30.771	Dapagliflozin	Forxiga	Viên	10mg	Uống	1.01	VN3-37-18	5000	19000	CSSX: AstraZeneca Pharmaceuticals LP; CSĐG và xuất xưởng lô:	Mỹ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
165	40.30.771	Dapagliflozin	Atiparin 10	Viên	10mg	Uống	1.01	893110053823	5000	16450	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023
166	40.82	Desloratadin	Deslora	Viên	5mg	Uống	1.01	VD-26406-17	60000	1575	Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
167	40.82	Desloratadin	Desloratadin ODT 5	Viên	5mg	Uống	1.01	VD-35516-21	60000	1470	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
168	40.818	Desmopressin	Minirin Melt Oral Lyophilisate	Viên	60mcg	Uống	1.01	VN-18301-14	2000	22133	Catalent U.K. Swindon Zydis Limited	Anh	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
169	40.4	Diazepam	Seduxen 5 mg	Viên	5mg	Uống	1.01	VN-19162-15	600	1260	Gedeon Richter Plc.	Hungary	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
170	40.4	Diazepam	Diazepam-Hameln 5mg/ml	Ống	5mg/ml	Tiêm	2.10	VN-19414-15	600	8799	Siegfried Hameln GmbH	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
171	40.30	Diclofenac	Elaria 100mg	Viên	100mg	Đặt hậu môn	4.02	VN-20017-16	1000	13500	Medochemie Ltd. - Cogols Facility	Síp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠI PHÁT	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
172	40.30	Diclofenac	Diclofenac	Viên	100mg	Đặt hậu môn	4.02	VD-29382-18	1000	11500	Công ty Cổ phần TM Dược phẩm Quang Minh	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
173	40.30	Diclofenac	VIFAREN	viên	50mg	Uống	1.01	VD-29189-18	60000	84	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89

174	40.30	Diclofenac	Diclofenac	Ống	75mg/3ml	Tiêm	2.10	VD-29946-18	6000	795	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
175	40.30	Diclofenac	Elaria	Ống	75mg/3ml	Tiêm	2.10	VN-16829-13	3000	8900	Medochemie Ltd - Ampoule Injectable Facility	Síp	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THIÊN KIM	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
176	40.532	Digoxin	Digorich	Viên	0,25mg	Uống	1.01	VD-22981-15	3000	618	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú - Chi nhánh nhà máy	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
177	40.532	Digoxin	Digoxin/Anfarm	Ống	0,5mg/ 2ml	Tiêm	2.10	VN-21737-19	300	24500	Anfarm hellas S.A.	Hy Lạp	CÔNG TY CỔ PHẦN EUTICAL	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
178	40.721	Dioctahedral smectit	SMECGIM	Gói	3000mg	Uống	1.01	VD-25616-16	30000	3360	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
179	40.735	Diosmin	Phlebodia	Viên	600mg	Uống	1.01	VN-18867-15	24000	6816	Innothera Chouzy	Pháp	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC THUẬN GIA	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
180	40.735	Diosmin	Diosfort	Viên	600mg	Uống	1.01	VD-28020-17	60000	5950	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SONG VIỆT	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
181	40.735	Diosmin	Flaben 500	Viên	500mg	Uống	1.01	VD-35921-22	24000	4200	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hà Nam	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
182	40.735	Diosmin	Flaben 500	Viên	500mg	Uống	1.01	VD-35921-22	24000	4200	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hà Nam	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
183	40.736	Diosmin + hesperidin	Venokern 500mg viên nén bao phim	viên	450mg + 50mg	Uống	1.01	VN-21394-18	240000	2880	Kern Pharma S.L.	Tây Ban Nha	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
184	40.736	Diosmin + hesperidin	Daflon 1000mg	Viên	900mg; 100mg	Uống	1.01	VN3-291-20	100000	6320	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
185	40.736	Diosmin + hesperidin	Savidimin 1000	Viên	900mg + 100mg	Uống	1.01	VD-34734-20	60000	6000	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
186	40.533	Dobutamin	Dobutamine-hameln 12,5mg/ml	Ống	12.5mg/ml	Tiêm	2.10	VN-22334-19	300	79800	Siegfried Hameln GmbH	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
187	40.688	Domperidon	AGIMOTI	Gói	5mg/5ml	Uống	1.01	VD-17880-12	36000	765	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
188	40.688	Domperidon	Domreme	viên	10mg	Uống	1.01	VN-19608-16	120000	1000	Remedica Ltd	Síp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
189	40.688	Domperidon	A.T Domperidon	Gói	5mg/5ml, 10ml	Uống	1.01	VD-26743-17	36000	4320	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM KHANG TÍN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
190	40.688	Domperidon	Domreme	viên	10mg	Uống	1.01	VN-19608-16	200000	1000	Remedica Ltd	Síp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
191	40.688	Domperidon	Domreme	viên	10mg	Uống	1.01	529110073023	200000	1000	Remedica Ltd	Síp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
192	40.245	Doxycyclin	Doxycyclin 100 mg	Viên	100mg	Uống	1.01	VD-28382-17	2400	515	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
193	40.697	Drotaverin clohydrat	Drotusc	Viên	40mg	Uống	1.01	VD-25197-16	24000	567	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89

194	40.697	Drotaverin clohydrat	Drotusc Forte	Viên	80mg	Uống	1.01	VD-24789-16	24000	1050	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯỜNG THÀNH	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
195	40.414	Dutasterid	Dagocti	Viên	0,5mg	Uống	1.01	VD-25204-16	3000	6741	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú - Chi nhánh Nhà máy	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEDBOLIDE	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
196	40.784	Dydrogesteron	Duphaston	Viên	10mg	Uống	1.01	VN-21159-18	2000	7728	Abbott Biologicals B.V	Hà Lan	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
197	40.85	Ebastin	BASTINFAST 20	Viên	20mg	Uống	1.01	VD-27753-17	50000	3050	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
198	40.501	Enalapril	AGINARIL®5	Viên	5mg	Uống	1.01	VD-31563-19	120000	75	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
199	40.501	Enalapril	Gygaril 5	Viên	5mg	Uống	1.01	VD-18098-12	120000	373	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ PHƯƠNG	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
200	40.30.516	Enalapril + hydrochlorothiazid	Apitec 20 - H	Viên	20mg + 12,5mg	Uống	1.01	VD-30912-18	24000	3000	Công ty cổ phần dược Apimed	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
201	40.443	Enoxaparin (natri)	Gemapaxane	Bơm tiêm	6000IU/0,6ml	Tiêm	2.10	VN-16313-13	2000	95000	Italfarmaco, S.p.A.	Ý	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT(1717);G1;N1;2023;89
202	40.443	Enoxaparin (natri)	Gemapaxane	Bơm tiêm	4000IU/0,4ml	Tiêm	2.10	VN-16312-13	10000	70000	Italfarmaco, S.p.A.	Ý	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT(1717);G1;N1;2023;89
203	40.264	Entecavir	Entecavir STELLA 0.5mg	Viên	0,5mg	Uống	1.01	QLĐB-560-16	12000	16000	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
204	40.86	Epinephrin (adrenalin)	Adrenalin 1mg/10ml	Ống	1mg/10ml	Tiêm	2.10	VD-32031-19	1000	5040	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
205	40.86	Epinephrin (adrenalin)	Adrenalin	Ống	1mg/1ml	Tiêm	2.10	VD-27151-17	3000	1285	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
206	40.995	Eprazinon	Savi Eprazinone 50	Viên	50mg	Uống	1.01	VD-21352-14	240000	820	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	CÔNG TY TNHH NACOPHARM MIỀN NAM	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
207	40.472	Erythropoietin alpha	Nanokine 2000 IU	Lọ	2000 IU/1ml	Tiêm	2.10	QLSP-920-16	2400	115000	Công ty cổ phần Công nghệ sinh học Dược NaNoGen	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Y ĐÔNG	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
208	40.472	Erythropoietin alpha	VINTOR 2000	Bơm tiêm	2000IU/ml	Tiêm	2.10	QLSP-1150-19	2400	68000	Gennova Biopharmaceuticals Ltd	Ấn Độ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	799/QĐ-SYT;G1;N5;2023;89
209	40.678	Esomeprazol	Esomeprazol 20mg	Viên	20mg	Uống	1.01	VD-33458-19	120000	235	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
210	40.678	Esomeprazol	STADNEX 40 CAP	Viên	40mg	Uống	1.01	VD-22670-15	30000	6800	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
211	40.678	Esomeprazol	Vinxium	Lọ	40mg	Tiêm	2.10	VD-22552-15	6000	8338	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
212	40.444	Etamsylat	Vincynon 500	Ống	500mg/2ml	Tiêm	2.10	VD-27155-17	2400	32000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
213	40.934	Etifoxin chlohydrat	Stresam	Viên	50mg	Uống	1.01	VN-21988-19	5000	3300	Biocodex	Pháp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89

214	40.32	Etodolac	Etocox 200	Viên	200mg	Uống	1.01	VD-30235-18	30000	2625	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
215	40.32	Etodolac	Etodax 300	Viên	300mg	Uống	1.01	VD-34068-20	1000	3200	Công ty cổ phần dược Apimed	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
216	40.32	Etodolac	Etodax 300	Viên	300mg	Uống	1.01	VD-34068-20	30000	3200	Công ty cổ phần dược Apimed	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
217	40.553	Fenofibrat	LIPAGIM 160	Viên	160mg	Uống	1.01	VD-29662-18	60000	565	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
218	40.553	Fenofibrat	LIPAGIM 200	Viên	200mg	Uống	1.01	VD-31571-19	60000	390	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
219	40.553	Fenofibrat	LIPAGIM 300	Viên	300mg	Uống	1.01	VD-13319-10	60000	420	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
220	40.553	Fenofibrat	COLESTRIM SUPRA	Viên	145mg	Uống	1.01	VN-18373-14	60000	7000	Ethypharm	Pháp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
221	40.553	Fenofibrat	Lipanthyl 200M	Viên	200mg	Uống	1.01	VN-17205-13	6000	7053	Recipharm Fontaine	Pháp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
222	40.553	Fenofibrat	FATFE	Viên	145mg	Uống	1.01	VD-36043-22	120000	3120	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NHẬT TIẾN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
223	40.976	Fenoterol + ipratropium	Berodual	Bình	0,02mg/nhát xịt + 0,05mg/nh	Khí dung	5.05	VN-17269-13	1000	132323	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG.	Đức	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT(1717);G1;N1;2023;89
224	40.87	Fexofenadin	Fegra 120mg	Viên	120mg	Uống	1.01	VD-25387-16	30000	3500	Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
225	40.87	Fexofenadin	Fefasdin 60	Viên	60mg	Uống	1.01	VD-26174-17	30000	229	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
226	40.87	Fexofenadin	Fexofenadin OD DWP 60	Viên	60mg	Uống	1.01	VD-35359-21	120000	840	Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯỜNG THÀNH	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
227	40.87	Fexofenadin	Danapha-Telfadin 180	Viên	180mg	Uống	1.01	VD-28786-18	30000	4150	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
228	40.336	Flunarizin	Fluzinstad 5	Viên	5mg	Uống	1.01	VD-25479-16	24000	940	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
229	40.336	Flunarizin	MIRENZINE 5	Viên	5mg	Uống	1.01	VD-28991-18	60000	1250	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
230	40.336	Flunarizin	Flunarizine 5mg	Viên	5mg	Uống	1.01	VD-23073-15	30000	238	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
231	40.336	Flunarizin	Oliveirim	Viên	10mg	Uống	1.01	VD-21062-14	60000	2200	Công ty Cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
232	40.336	Flunarizin	Mezapizin 10	Viên	10mg	Uống	1.01	VD-24224-16	60000	357	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯỜNG THÀNH	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
233	40.769	Fluocinolon acetonid	Fluocinolon	Tuýp	0,025%/10g	Dùng ngoài	3.05	VD-26392-17	200	3930	Công ty cổ phần dược Medipharco	Việt Nam	CÔNG TY CP DƯỢC MEDIPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89

234	40.771	Fluorometholon	NAVALDO	Lọ	5mg/5ml	Nhỏ mắt	6.01	VD-30738-18	1000	22000	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
235	40.903	Fluticason propionat	MESECA	Lọ	50mcg/0,05ml (0,1%)	Xịt mũi	5.07	VD-23880-15	200	96000	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
236	40.554	Fluvastatin	Mitifive	Viên	20mg	Uống	1.01	VD-35566-22	60000	4599	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
237	40.659	Furosemid	AGIFUROS	Viên	40mg	Uống	1.01	VD-27744-17	100000	92	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
238	40.659	Furosemid	Vinzix	Ống	20mg/2ml	Tiêm	2.10	VD-29913-18	48000	622	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
239	40.659	Furosemid	Furosemidum Polpharma	Ống	20mg/2ml	Tiêm	2.10	VN-18406-14	6000	4400	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Ba Lan	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SONG VIỆT	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
240	40.659	Furosemid	Suopinchon Injection	ống	20mg/2ml	Tiêm	2.10	VN-13873-11	6000	4200	Siu Guan Chem Ind Co., Ltd.	Đài Loan	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM KHANG HUY	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
241	40.607	Fusidic acid	FUCIPA	Tuýp	100mg/5g	Dùng ngoài	3.05	VD-31487-19	200	14000	Công ty cổ phần Dược Apimed	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHẠM ANH	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
242	40.132	Gabapentin	GAPTINEW	Viên	300mg	Uống	1.01	VD-27758-17	24000	390	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
243	40.132	Gabapentin	NEUBATEL-FORTE	Viên	600mg	Uống	1.01	VD-25003-16	24000	6000	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
244	40.132	Gabapentin	Mezapentin 600	Viên	600mg	Uống	1.01	VD-27886-17	60000	1890	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯỜNG THÀNH	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
245	40.555	Gemfibrozil	Ipolipid 300	Viên	300mg	Uống	1.01	VN-19245-15	30000	2800	Medochemie Ltd. - Factory AZ	Síp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
246	40.198	Gentamicin	GENTAMICIN 80mg/2ml	ống	80mg/2ml	Tiêm	2.10	VD-25310-16	3000	1008	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
247	40.566	Ginkgo biloba	Taginko	Viên	40mg	Uống	1.01	VD-24954-16	120000	350	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
248	40.566	Ginkgo biloba	Ginkgo 3000	Viên	60mg	Uống	1.01	VN-20747-17	30000	5980	Contract Manufacturing & Packaging Services Pty. Ltd	Úc	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HUY CƯỜNG	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
249	40.808	Glibenclamid + metformin	Hasanbest 500/2.5	Viên	2,5mg + 500mg	Uống	1.01	VD-32391-19	240000	1820	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SONG VIỆT	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
250	40.808	Glibenclamid + metformin	Hasanbest 500/2.5	Viên	2,5mg + 500mg	Uống	1.01	VD-32391-19	120000	1820	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SONG VIỆT	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023
251	40.800	Gliclazid	Pyme Diapro MR	viên	30mg	Uống	1.01	VD-22608-15	480000	275	Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
252	40.800	Gliclazid	Pyme Diapro MR	viên	30mg	Uống	1.01	VD-22608-15	240000	275	Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
253	40.800	Gliclazid	Staclazide 60 MR	viên	60mg	Uống	1.01	VD-29501-18	120000	2250	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ PHƯƠNG	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89

254	40.30.775	Gliclazid + metformin	Melanov-M	Viên	80mg + 500mg	Uống	1.01	VN-20575-17	240000	3800	Micro Labs Limited	Ấn Độ	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THƯƠNG MẠI TÂN TRƯỜNG SINH	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
255	40.30.775	Gliclazid + metformin	Glizym-M	Viên	80mg + 500mg	Uống	1.01	VN3-343-21	240000	3200	M/s Panacea Biotec Pharma Ltd.	Ấn Độ	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THƯƠNG MẠI TÂN TRƯỜNG SINH	799/QĐ-SYT;G1;N5;2023;89
256	40.801	Glimepirid	Diaprid 2	Viên	2mg	Uống	1.01	VD-24959-16	120000	1045	Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
257	40.801	Glimepirid	Glimepiride 2mg	Viên	2mg	Uống	1.01	VD-34692-20	120000	149	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
258	40.30.777	Glimepirid + metformin	Comiaryl 2mg/500mg	viên	2mg + 500mg	Uống	1.01	VD-33885-19	960000	2478	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
259	40.64	Glucosamin	Vorifend 500	Viên	500mg	Uống	1.01	VD-32594-19	120000	1500	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
260	40.64	Glucosamin	Otibone 1000	Gói	1000mg	Uống	1.01	VD-20178-13	9000	3240	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
261	40.64	Glucosamin	FLEXSA 1500	Gói	1500mg	Uống	1.01	VN-14261-11	24000	8500	Mega Lifesciences (Australia) Pty.,Ltd	Úc	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
262	40.64	Glucosamin	Otibone 1500	Gói	1500mg	Uống	1.01	VD-20179-13	24000	4390	Công ty Cổ phần Dược phẩm BosTon Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NGUYỄN DƯƠNG	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
263	40.1015	Glucose	Dextrose 10%	Chai	10%, 500ml	Tiêm truyền	2.15	VN-22249-19	3000	27000	Vioser S.A Parenteral Solutions Industry	Hy Lạp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
264	40.1015	Glucose	Dextrose	Chai	5%, 500ml	Tiêm truyền	2.15	VN-22248-19	6000	19500	Vioser S.A Parenteral Solutions Industry	Hy Lạp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
265	40.1015	Glucose	Glucose 30%	Chai	30%, 250ml	Tiêm truyền	2.15	VD-23167-15	6000	10878	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
266	40.1015	Glucose	Glucose 5%	Chai	5%, 500ml	Tiêm truyền	2.15	VD-35954-22	24000	7035	Công Ty Cổ Phần IVC	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VĨNH LONG	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
267	40.1015	Glucose	Glucose 10%	Chai	10%, 500ml	Tiêm truyền	2.15	VD-35953-22	12000	8505	Công Ty Cổ Phần IVC	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VĨNH LONG	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
268	40.478	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	NITRALMYL 0,3	Viên	0.3mg	Đặt dưới lưỡi	1.04	VD-34935-21	5000	1600	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
269	40.478	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	Nitralmyl 0,6	Viên	0,6mg	Đặt dưới lưỡi	1.04	VD-34179-20	5000	2000	Công ty Cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
270	40.478	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	Glyceryl Trinitrate - Hameln 1mg/ml	Ống	10mg	Tiêm	2.10	VN-18845-15	4800	80283	Siegfried Hameln GmbH	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
271	40.478	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	A.T Nitroglycerin inj	Ống	5mg/5ml	Tiêm	2.10	VD-25659-16	4800	49980	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM AT & C	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
272	40.445	Heparin (natri)	Paringold Injection	Lọ	25000 IU/ 5ml	Tiêm	2.10	QLSP-1064-17	2400	147000	JW Pharmaceutical Corporation	Hàn Quốc	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ - UK PHARMA	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
273	40.772	Hydrocortison	Forsancort	Tuýp	1%; 10g	Dùng ngoài	3.05	VD-32290-19	200	17990	Công ty Cổ Phần Dược Medipharco	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA SEN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89

274	40.772	Hydrocortison	Vinphason	Lọ	100mg	Tiêm	2.10	VD-22248-15	6000	5900	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
275	40.867	Hydroxypropylmethylcellulose	SYSEYE	Lọ	30mg/10ml - Lọ 15ml	Nhỏ mắt	6.01	VD-25905-16	4800	30000	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
276	40.698	Hyoscin butylbromid	Atithios inj	Ống	20mg/1ml	Tiêm	2.10	VD-31598-19	6000	3650	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CP DP AN THIÊN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
277	40.698	Hyoscin butylbromid	BFS-Hyoscin 40mg/2ml	Lọ	20mg/ml - 2ml	Tiêm	2.10	VD-26769-17	6000	14700	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
278	40.37	Ibuprofen	AGIROFEN 400	Viên	400mg	Uống	1.01	VD-32778-19	30000	600	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
279	40.37	Ibuprofen	A.T IBUPROFEN SYRUP	Ống	100mg/5ml, 10ml	Uống	1.01	VD-25631-16	1000	4500	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
280	40.37	Ibuprofen	Painfree	Viên	200mg	Uống	1.01	VD-28588-17	30000	2500	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
281	40.806	Insulin analog tác dụng chậm, kéo dài (Glargine, Detemir,	Basaglar	Bút tiêm	300U/3ml	Tiêm	2.10	SP3-1201-20	2400	255000	Lilly France	Pháp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
282	40.806	Insulin analog tác dụng chậm, kéo dài Glargine	Toujeo Solostar	Bút tiêm	300 đơn vị/ml	Tiêm	2.10	QLSP-1113-18	2400	415000	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH	Đức	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
283	40.806	Insulin analog tác dụng chậm, kéo dài Glargine	INSUNOVA - G PEN	Bút tiêm	100IU/ml	Tiêm	2.10	QLSP-907-15	2400	219000	M/s.Biocon Limited	Ấn Độ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	799/QĐ-SYT;G1;N5;2023;89
284	40.805.1	Insulin analog trộn, hỗn hợp	Humalog Mix50 Kwikpen	Bút tiêm	300U (tương đương	Tiêm	2.10	QLSP-1083-18	2400	178080	Eli Lilly Italia S.p.A	Ý	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
285	40.805.1	Insulin analog trộn, hỗn hợp	Humalog Mix 75/25 Kwikpen	Bút tiêm	300U (tương đương	Tiêm	2.10	QLSP-1088-18	2400	178080	Lilly France	Pháp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
286	40.804.1	Insulin người tác dụng nhanh, ngắn	Actrapid	Lọ	1000IU/10ml	Tiêm	2.10	QLSP-1029-17	300	57000	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
287	40.803	Insulin người tác dụng trung bình, trung gian	Insulatard FlexPen	Bút tiêm	300IU/3ml	Tiêm	2.10	QLSP-1031-17	2400	153999	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
288	40.803	Insulin người tác dụng trung bình, trung gian	INSUNOVA - N (NPH)	Lọ	100IU/ml	Tiêm	2.10	QLSP-848-15	2400	51999	Biocon Limited	Ấn Độ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	799/QĐ-SYT;G1;N5;2023;89
289	40.805.2	Insulin người trộn, hỗn hợp	Mixtard 30 FlexPen	Bút tiêm	300IU/3ml	Tiêm	2.10	QLSP-1056-17	24000	69500	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
290	40.805.2	Insulin người trộn, hỗn hợp	Mixtard 30	Lọ	(700IU + 300IU)/10ml	Tiêm	2.10	QLSP-1055-17	2400	56000	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
291	40.506	Irbesartan	IHYBES 150	Viên	150mg	Uống	1.01	VD-23489-15	48000	365	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
292	40.506	Irbesartan	IHYBES 300	Viên	300mg	Uống	1.01	VD-25125-16	48000	890	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
293	40.506	Irbesartan	SaVi Irbesartan 75	Viên	75mg	Uống	1.01	VD-28034-17	120000	3000	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89

294	40.506	Irbesartan	Irbesartan OD DWP 100mg	Viên	100mg	Uống	1.01	VD-35223-21	120000	1995	Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
295	40.507	Irbesartan + hydroclorothiazid	Irbelorzed 150/12,5	Viên	150mg + 12,5mg	Uống	1.01	VD-27039-17	120000	2016	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DP NGUYÊN ANH KHOA	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
296	40.507	Irbesartan + hydroclorothiazid	Irzinex Plus	Viên	150mg + 12,5mg	Uống	1.01	VD-26782-17	120000	3465	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM PHƯƠNG CHÂU	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
297	40.479	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	Imidu® 60 mg	viên	60mg	Uống	1.01	VD-33887-19	24000	1953	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
298	40.479	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	Donox 20mg	Viên	20mg	Uống	1.01	VD-29396-18	12000	1450	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
299	40.292	Itraconazol	IFATRAX	Viên	100mg	Uống	1.01	VD-31570-19	1200	3050	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
300	40.485	Ivabradin	IVAGIM 5	Viên	5mg	Uống	1.01	VD-35991-22	12000	2450	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
301	40.485	Ivabradin	Bixebra 7.5 mg	Viên	7,5mg	Uống	1.01	VN-22878-21	12000	9996	KRKA, D.D., . Novo Mesto	Slovenia	CÔNG TY TNHH DP VĂN LANG	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
302	40.485	Ivabradin	IVABRADINE TABLETS 7.5MG	Viên	7,5 mg	Uống	1.01	VN-22873-21	12000	5500	Cadila Healthcare Ltd.	Ấn Độ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
303	40.147	Ivermectin	Ivermectin 3 A.T	Viên	3mg	Uống	1.01	VD-25656-16	1000	7455	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CP DP AN THIÊN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
304	40.147	Ivermectin	Opelomin 6	Viên	6 mg	Uống	1.01	VD-31812-19	1000	21126	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIM LĨNH PHÁT	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
305	40.1005	Kali clorid	Kalium Chloratum Biomedica	Viên	500mg	Uống	1.01	VN-14110-11	20000	1500	Biomedica, spol.s.r.o	Czechia	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
306	40.1005	Kali clorid	Kali Clorid	Viên	500mg	Uống	1.01	VD-33359-19	20000	700	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
307	40.1005	Kali clorid	Kaleorid	Viên	600mg	Uống	1.01	VN-15699-12	20000	2100	Leo Pharmaceutical Products Ltd. A/S (Leo Pharma A/S)	Đan Mạch	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
308	40.1017	Kali clorid	Kali Clorid 10%	Ống	1g/ 10ml	Tiêm truyền	2.15	VD-25324-16	6000	1230	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
309	40.1005	Kali clorid	Potassium Chloride Proamp	Ống	1g/10ml	Tiêm truyền	2.15	VN-16303-13	6000	5500	Laboratoire Aguettant	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
310	40.1017	Kali clorid	Kali Clorid 10%	Ống	1g/ 10ml	Tiêm truyền	2.15	VD-25324-16	6000	1230	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
311	40.869	Kali iodid + Natri iodid	Posod eye drops	Lọ	(3mg + 3mg)/1ml; 10ml	Nhỏ mắt	6.01	VN-18428-14	1000	28350	Hanlim Pharm Co., Ltd	Hàn Quốc	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NĂM PHÁT	799/QĐ-SYT;G1;N5;2023;89
312	40.725	Kẽm gluconat	Zinbebe	Lọ	70mg/5ml, 50ml	Uống	1.01	VD-22887-15	5000	24999	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ NGỌC LINH	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
313	40.725	Kẽm gluconat	Zinc 15	Gói	105mg	Uống	1.01	VD-27425-17	5000	4500	Công ty Liên danh Meyer-BPC.	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89

314	40.724	Kẽm sulfat	Atisyrup zinc	Gói	10 mg/5ml	Uống	1.01	VD-31070-18	24000	4800	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
315	40.38	Ketoprofen	KEFENTECH	Miếng	30mg	Dán ngoài da	3.03	VN-10018-10	90000	10500	Jeil Health Science Inc	Hàn Quốc	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM CÁT THÀNH	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
316	40.38	Ketoprofen	Inflafen 75	Viên	75mg	Uống	1.01	VD-25199-16	30000	609	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
317	40.38	Ketoprofen	Ketoprofen EC DWP 100mg	Viên	100mg	Uống	1.01	VD-35224-21	48000	2394	Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
318	40.39	Ketorolac	Acular	Lọ	0,5%	Nhỏ mắt	6.01	VN-18806-15	300	67245	Allergan Pharmaceuticals Ireland	Ireland	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
319	40.89	Ketotifen	Ketotifen DWP 1mg	Viên	1mg	Uống	1.01	VD-35846-22	60000	1092	Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
320	40.89	Ketotifen	Ketotifen DWP 1mg	Viên	1mg	Uống	1.01	VD-35846-22	60000	1092	Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
321	40.726	Lactobacillus acidophilus	Andonbio	Gói	75mg	Uống	1.01	VD-20517-14	30000	1290	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH NACOPHARM MIỀN NAM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
322	40.668	Lansoprazol	Lancid 15	Viên	15mg	Uống	1.01	VD-33270-19	60000	1400	Công ty cổ phần dược Apimed	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
323	40.90	Levocetirizin	ACRITEL-10	Viên	10mg	Uống	1.01	VD-28899-18	60000	2910	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
324	40.229	Levofloxacin	Letdion	Lọ	5mg/ml * 5ml	Nhỏ mắt	6.01	VN-22724-21	1200	84000	S.C. Rompharm Company S.r.l	Romania	CÔNG TY TNHH ĐẠI BẮC - MIỀN NAM	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
325	40.229	Levofloxacin	Eyexacin	Lọ	5mg/ml * 5ml	Nhỏ mắt	6.01	VD-28235-17	6000	8799	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
326	40.228	Levofloxacin	Levogolds	Túi	750mg/150 ml	Tiêm	2.10	VN-18523-14	600	250000	InfoRLife SA.	Thụy Sĩ	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
327	40.228	Levofloxacin	Bivelox I.V 500mg/100ml	Chai	500mg/100 ml	Tiêm	2.10	VD-33729-19	1000	14700	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
328	40.228	Levofloxacin	Levofloxacin 750mg/150ml	Chai	750mg/150 ml	Tiêm	2.10	VD-35192-21	600	155000	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm - Nhà máy công nghệ cao	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
329	40.229	Levofloxacin	Goldvoxin	Túi	250mg/50 ml	Tiêm	2.10	VN-19111-15	1000	89000	InfoRLife SA.	Thụy Sĩ	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM KHANG HUY	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
330	40.229	Levofloxacin	Levof-BFS 500mg	Ống	500mg/10 ml	Tiêm	2.10	VD-33426-19	1000	88200	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
331	40.815	Levothyroxin (muối natri)	BERLTHYROX 100	Viên	100mcg	Uống	1.01	VN-10763-10	5000	535	Berlin Chemie AG (Menarini Group)	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
332	40.815	Levothyroxin (muối natri)	Disthyrox	Viên	100mcg	Uống	1.01	VD-21846-14	5000	294	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯỜNG THÀNH	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
333	40.12	Lidocain hydroclodrid	Lidocain hydroclorid 40mg/2ml	Ống	40mg/2ml	Tiêm	2.10	VD-23764-15	30000	378	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89

334	40.30.786	Linagliptin + metformin	Trajenta Duo	Viên	2,5mg + 850mg	Uống	1.01	VN2-498-16	6000	9686	Boehringer Ingelheim pharma GmbH & Co. KG.	Đức	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT(1717);G1;N1;2023;89
335	40.253	Linezolid*	Nirzolid	Chai	600mg/ 300ml	Tiêm	2.10	VN-22054-19	1000	175000	Aculife Healthcare Private Limited	Ấn Độ	CÔNG TY TNHH TMDP MINH TÍN	799/QĐ-SYT;G1;N5;2023;89
336	40.253	Linezolid*	Inlezone 600	Túi	600mg/300 ml	Tiêm	2.10	VD-32784-19	1000	195000	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HIỆP BÁCH NIÊN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
337	40.510	Lisinopril	AGIMLISIN 10	Viên	10mg	Uống	1.01	VD-26721-17	24000	290	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
338	40.510	Lisinopril	AGIMLISIN 5	Viên	5mg	Uống	1.01	VD-25118-16	24000	230	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
339	40.510	Lisinopril	Liprilex	Viên	5mg	Uống	1.01	VN-20982-18	48000	3360	Laboratorios Lesvi, S.L.	Tây Ban Nha	CÔNG TY TNHH DƯỢC TÂM ĐAN	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
340	40.510	Lisinopril	LISINOPRIL STELLA 10MG	Viên	10mg	Uống	1.01	VD-21533-14	24000	2300	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	CÔNG TY TNHH SAN TA VIỆT NAM	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
341	40.510	Lisinopril	LISORIL-10	Viên	10mg	Uống	1.01	VN-16797-13	48000	1100	Ipca Laboratories Ltd	Ấn Độ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NHẬT TIẾN	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
342	40.510	Lisinopril	Lizetric 10mg	viên	10mg	uống	1.01	VD-26417-17	48000	1864	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ QUẢNG TRỊ	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
343	40.511	Lisinopril + hydroclorothiazid	Lisiplus HCT 10/12.5	Viên	10 mg + 12,5mg	Uống	1.01	VD-17766-12	48000	3000	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharma - Chi nhánh 1	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MKT	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
344	40.511	Lisinopril + hydroclorothiazid	UmenoHCT 10/12,5	Viên	10mg + 12,5mg	Uống	1.01	VD-29131-18	48000	2200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
345	40.511	Lisinopril + hydroclorothiazid	UmenoHCT 20/12,5	Viên	20mg + 12,5 mg	Uống	1.01	VD-29132-18	48000	2562	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DP NGUYÊN ANH KHOA	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
346	40.511	Lisinopril + hydroclorothiazid	UmenoHCT 20/25	Viên	20mg + 25mg	Uống	1.01	VD-29133-18	48000	3850	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
347	40.727	Loperamid	Loperamide STELLA	Viên	2mg	Uống	1.01	VD-25985-16	3000	480	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm-Chi nhánh 1	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
348	40.91	Loratadin	Clanoz	viên	10mg	Uống	1.01	VD-20550-14	30000	284	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	CÔNG TY CP DƯỢC HẬU GIANG	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
349	40.512	Losartan	Pyzacar 50 mg	Viên	50mg	Uống	1.01	VD-26431-17	120000	1120	Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
350	40.512	Losartan	Losartan	Viên	50mg	Uống	1.01	VD-22912-15	60000	202	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
351	40.513	Losartan + hydroclorothiazid	Agilosart - H 100/12,5	Viên	100mg + 12,5mg	Uống	1.01	VD-32775-19	240000	1995	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
352	40.556	Lovastatin	Lovastatin DWP 10mg	Viên	10mg	Uống	1.01	VD-35744-22	240000	1134	Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯỜNG THÀNH	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
353	40.556	Lovastatin	Lovarem Tablets	viên	20mg	Uống	1.01	VN-22752-21	120000	3450	Remedica Ltd	Síp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89

354	40.711	Macrogol	Forlax	Gói	10g (4000)	Uống	1.01	VN-16801-13	12000	4275	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
355	40.712	Macrogol + natri sulfat + natri bicarbonat + natri	Fortrans	Gói	64g (4000) + 5,7g +	Uống	1.01	VN-19677-16	600	32000	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
356	40.670	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd	Gelactive	gói	400 mg + 300 mg	Uống	1.01	VD-31402-18	480000	2394	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
357	40.671	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Mylenfa II	Viên	200mg +200mg+20mg	Uống	1.01	VD-25587-16	300000	504	Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DP NGUYÊN ANH KHOA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
358	40.671	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Kremil-S	Viên	233mg + 178mg + 30mg	Uống	1.01	VD-18596-13	120000	930	Công ty TNHH United International Pharma	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
359	40.671	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	AQUIMA	Gói	400mg/10 ml; 460mg (351,9mg)/	Uống	1.01	VD-32231-19	120000	3300	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
360	40.671	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Pamagel	Gói	800mg + 800mg + 60mg/10ml	Uống	1.01	VD-34563-20	30000	3700	Công ty cổ phần dược Apimed	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
361	40.713	Magnesi sulfat	Magnesi sulfat Kabi 15%	Ống	1,5g/10ml	Tiêm truyền	2.15	VD-19567-13	6000	2835	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
362	40.1020	Manitol	Mannitol	Chai	20%, 250ml	Tiêm truyền	2.15	VD-23168-15	600	18900	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
363	40.41	Meloxicam	MELOXICAM 7,5	Viên	7,5mg	Uống	1.01	VD-30638-18	120000	67	Công ty Cổ phần Dược Vacopharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
364	40.41	Meloxicam	Meloxboston 15	Viên	15 mg	Uống	1.01	VD-35729-22	120000	3599	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MỸ PHÚ	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
365	40.41	Meloxicam	Brosiral	Ống	15mg/1,5ml	Tiêm	2.10	VN-23209-22	1000	21150	Bros Ltd	Hy Lạp	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI FAMED	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
366	40.189	Meropenem*	Mizapenem 0,5g	Lọ	500mg	Tiêm	2.10	VD-20773-14	3000	31450	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
367	40.189	Meropenem*	Mizapenem 1g	Lọ	1g	Tiêm	2.10	VD-20774-14	6000	53150	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
368	40.807	Metformin	Metformin 500mg	viên	500mg	Uống	1.01	VD-33619-19	120000	165	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
369	40.807	Metformin	Metformin	viên	1000mg	Uống	1.01	VD-31992-19	120000	504	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
370	40.807	Metformin	Metformin Stella 1000 mg	viên	1000mg	Uống	1.01	VD-27526-17	60000	1700	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ PHƯƠNG	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
371	40.807	Metformin	DH-Metglu XR 1000	viên	1000mg	Uống	1.01	VD-27507-17	240000	1638	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
372	40.807	Metformin	Metformin	Viên	1000mg	Uống	1.01	VD-31992-19	60000	504	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023
373	40.73	Methocarbamol	Methopil	Viên	500mg	Uống	1.01	VD-26679-17	20000	1890	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89

374	40.73	Methocarbamol	Methocarbamol	Viên	500mg	Uống	1.01	VD-28974-18	20000	301	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
375	40.73	Methocarbamol	Mycotrova 1000	Viên	1000mg	Uống	1.01	VD-27941-17	100000	2100	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
376	40.918	Methyl ergometrin maleat	Vingomin	Ống	0,2mg/ml	Tiêm	2.10	VD-24908-16	1000	11900	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
377	40.775	Methyl prednisolon	Methylprednisolon Sopharma	Ống	40mg	Tiêm	2.10	VN-19812-16	6000	34669	Sopharma AD	Bulgaria	CÔNG TY TNHH DP ĐỨC ANH	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
378	40.775	Methyl prednisolon	Creao Inj.	Lọ	40mg	Tiêm	2.10	VN-21439-18	12000	29988	BCWorld Pharm. Co., Ltd	Hàn Quốc	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM NGỌC THIỆN	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
379	40.775	Methyl prednisolon	Medsolu 4mg	Viên	4mg	Uống	1.01	VD-21349-14	60000	890	Công ty Cổ phần Dược phẩm Quảng Bình	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
380	40.775	Methyl prednisolon	Methyl prednisolon 16	Viên	16mg	Uống	1.01	VD-20763-14	12000	802	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
381	40.775	Methyl prednisolon	Vinsolon	Lọ	40mg	Tiêm	2.10	VD-19515-13	12000	6040	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
382	40.775	Methyl prednisolon	Methyl prednisolon 16	Viên	16mg	Uống	1.01	VD-20763-14	6000	625	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023
383	40.514	Methyldopa	AGIDOPA	Viên	250mg	Uống	1.01	VD-30201-18	4800	545	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
384	40.514	Methyldopa	DOPEGYT	Viên	250mg	Uống	1.01	VN-13124-11	4800	1995	Egis Pharmaceuticals Private Limited company	Hungary	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
385	40.514	Methyldopa	Thyperopa forte	Viên	500mg	Uống	1.01	VD-26833-17	12000	1785	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯỜNG THÀNH	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
386	40.690	Metoclopramid	Vincomid	Ống	10mg/2ml	Tiêm	2.10	VD-21919-14	5000	1000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
387	40.690	Metoclopramid	Elitan	Ống	10mg/2ml	Tiêm	2.10	VN-19239-15	5000	14200	Medochemie Ltd - Ampoule Injectable Facility	Síp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
388	40.212	Metronidazol	Metronidazol 250	viên	250mg	Uống	1.01	VD-22036-14	12000	180	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	CÔNG TY CP DƯỢC HẬU GIANG	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
389	40.212	Metronidazol	Metronidazole/ Vioser	Chai	500mg/100 ml	Tiêm truyền	2.15	VN-22749-21	2400	17400	Vioser S.A Parenteral Solutions Industry	Hy Lạp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
390	40.212	Metronidazol	Metronidazol	Viên	250mg	Uống	1.01	VD-22175-15	12000	132	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
391	40.213	Metronidazol + neomycin + nystatin	NEO-MEGYNA	Viên	500mg, 65.000IU, 100.000IU	Đặt âm đạo	4.01	VD-20651-14	2400	1736	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
392	40.213	Metronidazol + neomycin + nystatin	NEO-TERGYNAN	Viên	500mg + 65000 IU + 100000	Đặt âm đạo	4.01	VN-18967-15	2400	11800	Sophartex	Pháp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
393	40.15	Midazolam	Midazolam Rotexmedica 5mg/ml	Ống	5mg/1ml	Tiêm	2.10	VN-20862-17	1000	18900	Rotexmedica	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	13/QĐ-BVTC;G1;N1;2022;8 9004

394	40.15	Midazolam	Zodalan	Ống	5mg/1ml	Tiêm	2.10	VD-27704-17	1000	15000	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
395	40.15	Midazolam	Midazolam B. Braun 5mg/ml	Ống	5mg/1ml	Tiêm	2.10	VN-21177-18	1000	18900	B.Braun Melsungen AG	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
396	40.921	Misoprostol	HERAPROSTOL	Viên	200mcg	Uống	1.01	VD-29544-18	2000	3440	Công ty TNHH Sinh dược phẩm Hera	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
397	40.714	Monobasic natri phosphat + dibasic natri phosphat	Fleet Enema	Chai	19g/118ml + 7g /118ml	thụt hậu môn/	4.03	VN-21175-18	240	57500	C.B Fleet Company Inc	Mỹ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
398	40.16	Morphin	Morphin 30mg	Viên	30mg	Uống	1.01	VD-19031-13	500	7140	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương 2	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
399	40.16	Morphin	Morphin (Morphin hydroclorid	Ống	10mg/ml	Tiêm	2.10	VD-24315-16	500	6993	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
400	40.232	Moxifloxacin	Moloxcin 400	viên	400mg	Uống	1.01	VD-23385-15	50	21000	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	CÔNG TY CP DƯỢC HẬU GIANG	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
401	40.232	Moxifloxacin	Eyesmox	Lọ	0,5%/5ml	Nhỏ mắt	6.01	VD-33000-19	5000	9891	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
402	40.232	Moxifloxacin	Tamvelier	Lọ	0,5%, 5ml	Nhỏ mắt	6.01	VN-22555-20	1200	74991	Pahal A.V.E. Annos Plant 63, Ag. Dimitriou Str.	Hy Lạp	CÔNG TY TNHH DP VĂN LANG	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
403	40.231	Moxifloxacin	Moxifloxacin Bidiphar 400mg/100ml	Chai	400mg/100 ml	Tiêm	2.10	VD-35408-21	500	199983	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
404	40.616	Mupirocin	Atimupicin	Tuýp	100mg/5g	Dùng ngoài	3.05	VD-33402-19	100	32000	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CP DP AN THIÊN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
405	40.998	N-acetylcystein	Acetylcysteine 100mg	Gói	100mg	Uống	1.01	VD-35587-22	30000	415	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
406	40.998	N-acetylcystein	Effer - Acehasan 100	viên	100mg	Uống	1.01	VD-25025-16	30000	1092	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
407	40.998	N-acetylcystein	Stacytine 200	Viên	200mg	Uống	1.01	VD-20374-13	30000	1400	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm-Chi nhánh 1	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
408	40.114	Naloxon hydroclorid	Naloxone-hameln 0,4mg/ml	Ống	0,4mg/ml	Tiêm	2.10	VN-17327-13	200	43995	Siegfried Hameln GmbH	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
409	40.114	Naloxon hydroclorid	BFS-Naloxone	Ống	0,4mg/1ml	Tiêm	2.10	VD-23379-15	200	29400	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
410	40.46	Naproxen	Ameproxen 500	Viên	500mg	Uống	1.01	VD-25741-16	120000	1800	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DP NGUYÊN ANH KHOA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
411	40.46	Naproxen	Propain	Viên	500mg	Uống	1.01	VN-20710-17	120000	4560	Remedica Ltd	Síp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
412	40.876	Natri carboxymethylcellulose (natri CMC)	Refresh Tears	Lọ	0,5%	Nhỏ mắt	6.01	VN-19386-15	1200	64101	Allergan Sales, LLC	Mỹ	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
413	40.30.846	Natri carboxymethylcellulose + glycerin	Optive	Lọ	5mg/ml + 9mg/ml	Nhỏ mắt	6.01	VN-20127-16	1200	82849	Allergan Sales, LLC	Mỹ	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89

414	40.1021	Natri clorid	Sodium Chloride	Chai	0,9%, 500ml	Tiêm truyền	2.15	VN-22341-19	6000	19500	Vioser S.A Parenteral Solutions Industry	Hy Lạp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
415	40.1021	Natri clorid	Natri Clorid 0,9%	Lọ	0,9%/10ml	Nhỏ mắt	6.01	VD-29295-18	2400	1320	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
416	40.1021	Natri clorid	Natri clorid 0,9%	Túi	0,9%, 100ml	Tiêm truyền	2.15	VD-32457-19	24000	5985	Công ty TNHH Dược Phẩm Allomed	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRƯỜNG KHANG	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
417	40.1021	Natri clorid	Natri clorid 0,9%	Chai	0,9%, 500ml	Tiêm truyền	2.15	VD-35956-22	36000	6153	Công ty Cổ Phần IVC	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRƯỜNG KHANG	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
418	40.1021	Natri clorid	Natri clorid 3%	Chai	3%, 100ml	Tiêm truyền	2.15	VD-23170-15	2400	8190	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
419	40.883	Natri clorid	Natri Clorid 0,9%	Lọ	0,9%/10ml	Nhỏ mắt	6.01	VD-29295-18	2400	1320	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
420	40.1009	Natri clorid + kali clorid + natri citrat + glucose khan	Oresol	Gói	0,7g + 0,3g + 0,58g + 4g	Uống	1.01	VD-26361-17	12000	1560	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Nghệ An	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM LONG XUYÊN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
421	40.1009	Natri clorid + kali clorid + natri citrat + glucose khan	Oresol	Gói	27,9g – (3,5g + 1,5g +	Uống	1.01	VD-29957-18	12000	1449	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
422	40.881	Natri hyaluronat	Hyaluron Eye Drops	Ống	0,88mg/0,88ml	Nhỏ mắt	6.01	VN-21104-18	1200	12000	Hanlim Pharm. Co., Ltd.	Hàn Quốc	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIẾN PHÁT	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
423	40.881	Natri hyaluronat	Tearbalance Ophthalmic solution 0.1%	Lọ	1mg/ml	Nhỏ mắt	6.01	VN-18776-15	2400	55200	Senju Pharmaceutical Co., Ltd. Karatsu Plant	Nhật	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
424	40.881	Natri hyaluronat	Samaca	Lọ	1mg/1ml; 6ml	Nhỏ mắt	6.01	VD-30745-18	1200	25000	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN TRAPHACO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
425	40.881	Natri hyaluronat	VITOL	Lọ	18mg/10ml - Lọ 12ml	Nhỏ mắt	6.01	VD-28352-17	1200	39000	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
426	40.116	Natri hydrocarbonat (natri bicarbonat)	Sodium Bicarbonate Renaudin 8,4%	Ống	0,84g/ 10ml	Tiêm	2.10	VN-17173-13	200	22000	Laboratoire Renaudin	Pháp	CÔNG TY CỔ PHẦN EUTICAL	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
427	40.116	Natri hydrocarbonat (natri bicarbonat)	Natri bicarbonat 1,4%	Chai	1,4% 250ml	Tiêm	2.10	VD-25877-16	200	32000	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
428	40.979	Natri montelukast	Zinkast	Gói	5mg	Uống	1.01	VD3-59-20	30000	5790	Công ty cổ phần dược VTYT Hà Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
429	40.979	Natri montelukast	Meyerlukast 5	Viên	5mg	Uống	1.01	VD-27414-17	30000	588	Công ty Liên Doanh Meyer-BPC	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ANH MỸ	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
430	40.517	Nebivolol	NICARLOL 5	Viên	5mg	Uống	1.01	VD-27760-17	48000	695	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
431	40.517	Nebivolol	Nebivolol Stella 5mg	Viên	5mg	Uống	1.01	VD-23344-15	48000	1500	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
432	40.517	Nebivolol	Nebilet	Viên	5mg	Uống	1.01	VN-19377-15	6000	7600	Berlin Chemie AG	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
433	40.47	Nefopam hydroclorid	Nisitanol	Ống	20mg/2ml	Tiêm	2.10	VD-17594-12	2000	3145	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89

434	40.47	Nefopam hydroclorid	Nefopam Medisol 20mg/2ml	Ống	20mg/2ml	Tiêm	2.10	VN-23007-22	2000	26000	Haupt Pharma Livron SAS	Pháp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HUY CƯỜNG	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
435	40.832	Neostigmin metylsulfat (bromid)	Vinstigmin	Ống	0,5mg/ml	Tiêm	2.10	VD-30606-18	1000	5280	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
436	40.1025	Nhũ dịch lipid	SMOFlipid 20%	Chai	20%, 250ml	Tiêm truyền	2.15	VN-19955-16	120	142000	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
437	40.1025	Nhũ dịch lipid	SMOFlipid 20%	Chai	20%, 250ml	Tiêm truyền	2.15	VN-19955-16	60	142000	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023
438	40.518	Nicardipin	Sun-Nicar 10mg/50ml	Chai	10mg/50ml	Tiêm	2.10	VD-32436-19	300	82800	Công ty TNHH Dược phẩm Allomed	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
439	40.518	Nicardipin	Vincardipin	Ống	10mg/10ml	Tiêm	2.10	VD-32033-19	300	84000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
440	40.480	Nicorandil	Meyericodil 5	Viên	5mg	Uống	1.01	VD-34418-20	2000	1764	Công ty Liên Doanh Meyer-BPC	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ANH MỸ	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
441	40.519	Nifedipin	Nifedipin T20 retard	Viên	20mg	Uống	1.01	VD-24568-16	120000	540	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
442	40.519	Nifedipin	Nifedipin Hasan 20 Retard	viên	20mg	Uống	1.01	VD-32593-19	120000	504	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC VIỆT	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
443	40.519	Nifedipin	Fascapin-20	Viên	20mg	Uống	1.01	VD-18629-13	120000	450	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIBROS MIỀN NAM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
444	40.119	Nor-epinephrin (Nor- adrenalin)	Norepinephrin Kabi 1mg/ml	Ống	1mg/1ml	Tiêm	2.10	VD-36179-22	3000	25750	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
445	40.119	Nor-epinephrin (Nor- adrenalin)	Noradrenaline Base Aguettant 1mg/ml	Ống	4mg/4ml	Tiêm	2.10	VN-20000-16	3000	40000	Laboratoire Aguettant	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
446	40.1028	Nước cất pha tiêm	Nước cất tiêm	Ống	10ml	Tiêm	2.10	VD-18797-13	60000	690	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
447	40.297	Nystatin	NYSTATAB	Viên	500.000UI	Uống	1.01	VD-24708-16	4800	730	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
448	40.301	Nystatin + neomycin + polymyxin B	Polygynax	Viên	100.000IU +35.000IU +35.000IU	Đặt âm đạo	4.01	VN-21788-19	1000	9500	Catalent France Beinheim S.A/ Innothera Chouzy	Pháp	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC THUẬN GIA	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
449	40.749	Octreotid	Octreotide	Ống	0,1mg/ml	Tiêm	2.10	VN-19094-15	200	89985	Biomidustria Laboratorio Italiano Medicinali S.p.A. (Bioindustria L.I.M)	Ý	CÔNG TY TNHH DƯỢC TÂM ĐAN	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
450	40.235	Ofloxacin	AGOFLOX	Viên	200mg	Uống	1.01	VD-24706-16	3000	310	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
451	40.235	Ofloxacin	Ofloxacin 0,3%	Lọ	15mg/5ml	Nhỏ mắt	6.01	VD-23602-15	10000	2075	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
452	40.235	Ofloxacin	Ofloxacin-POS 3mg/ml	Lọ	15mg/5ml	Nhỏ mắt	6.01	VN-20993-18	1200	52900	URSAPHARM Arzneimittel GmbH	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI FAMED	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
453	40.235	Ofloxacin	Ofloxid Ophthalmic Ointment	Tuýp	0,3%	Tra mắt	6.02	VN-18723-15	600	74530	Santen Pharmaceutical Co., Ltd.	Nhật	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89

454	40.235	Ofloxacin	Ofloxacin 0,3%	Lọ	15mg/ 5ml	Nhỏ mắt	6.01	VD-23602-15	5000	2075	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023
455	40.886	Olopatadin hydroclorid	Pataday	Chai	0,2%	Nhỏ mắt	6.01	VN-13472-11	1200	131099	Alcon Research, LLC.	Mỹ	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
456	40.886	Olopatadin hydroclorid	OLEVID	Lọ	2mg/ml - Lọ 5ml	Nhỏ mắt	6.01	VD-27348-17	1200	88000	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
457	40.677	Omeprazol	Kagasdine	Viên	20mg	Uống	1.01	VD-33461-19	240000	130	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
458	40.677	Omeprazol	Omevin	Lọ	40mg	Tiêm	2.10	VD-25326-16	12000	5886	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
459	40.691	Ondansetron	Ondansetron 4mg/2ml	Ống	4mg/2ml	Tiêm	2.10	VD-34716-20	1000	13000	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM SAGORA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
460	40.190	Oxacilin	Oxacillin 0,5g	Lọ	0,5g	Tiêm	2.10	VD-26161-17	2400	31500	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Định	Việt Nam	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM IMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
461	40.190	Oxacilin	Oxacillin 1g	Lọ	1g	Tiêm	2.10	VD-26162-17	1200	44100	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Định	Việt Nam	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM IMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
462	40.919	Oxytocin	Vinphatoxin	Ống	10IU/ml	Tiêm	2.10	VD-26323-17	5000	6489	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
463	40.919	Oxytocin	Vinphatoxin	Ống	5IU/ml	Tiêm	2.10	VD-28703-18	10000	2800	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
464	40.679	Pantoprazol	SaVi Pantoprazole 40	Viên	40mg	Uống	1.01	VD-20248-13	120000	775	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
465	40.679	Pantoprazol	Vintolox	Lọ	40mg	Tiêm	2.10	VD-18009-12	6000	5780	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
466	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Hapacol 325	viên	325mg	Uống	1.01	VD-20559-14	60000	190	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	CÔNG TY CP DƯỢC HẬU GIANG	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
467	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Paracetamol 10mg/ml	Chai, túi	1g/100ml	Tiêm	2.10	VD-33956-19	12000	9400	Công ty TNHH Dược phẩm Allomed	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
468	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	AGI-TYFEDOL 500	Viên	500mg	Uống	1.01	VD-27749-17	240000	155	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
469	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	AGIMOL 150	Gói	150mg	Uống	1.01	VD-22790-15	12000	280	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
470	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	AGIMOL 325	Gói	325mg	Uống	1.01	VD-22791-15	24000	1030	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
471	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Hapacol 80	gói	80mg	Uống	1.01	VD-20561-14	24000	725	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	CÔNG TY CP DƯỢC HẬU GIANG	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
472	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Acepron 80	Gói	80mg/ 1,5g	Uống	1.01	VD-22122-15	24000	285	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
473	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Biragan 150	Viên	150mg	Đặt hậu môn	4.02	VD-21236-14	6000	1596	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89

474	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	PARA- OPC 150mg	Gói	150mg	Uống	1.01	VD-26951-17	12000	735	Chi nhánh Cty CPDP OPC tại Bình Dương - nhà máy DP OPC	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
475	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	BABEMOL	Gói	120mg/5ml	Uống	1.01	VD-21255-14	60000	1800	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
476	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Bakidol 160	Ống	160mg/5ml	Uống	1.01	VD-29072-18	60000	2100	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
477	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	SACENDOL 250	Gói	250mg	Uống	1.01	VD-28202-17	24000	327	Công ty Cổ phần Dược Vacopharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
478	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Thepara	Ống	300mg/10 ml	Uống	1.01	VD-30225-18	24000	4400	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
479	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Panactol 325mg	Viên	325mg	Uống	1.01	VD-19389-13	60000	124	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
480	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Paracetamol 500mg	Viên	500mg	Uống	1.01	VD-24086-16	240000	192	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
481	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Paracetamol 500	Viên	500mg	Uống	1.01	VD-31850-19	40000	1400	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
482	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Pagozine	Ống	1g/6,7ml	Tiêm	2.10	VD-28088-17	24000	24000	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ PHƯƠNG	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
483	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Partamol Tab.	Viên	500mg	Uống	1.01	VD-23978-15	500000	480	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	CÔNG TY TNHH SAN TA VIỆT NAM	799/QĐ-SYT(1717);G1;N1;2023;89
484	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Efferalgan	Viên	80mg	Đặt hậu môn	4.02	VN-20952-18	6000	1890	UPSA SAS	Pháp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT(1717);G1;N1;2023;89
485	40.30.64	Paracetamol + tramadol	Panalgan Plus	Viên	325mg + 37,5mg	Uống	1.01	VD-28894-18	12000	2035	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
486	40.30.64	Paracetamol + tramadol	DEGEVIC	Viên	325mg + 37,5mg	Uống	1.01	VD-21414-14	12000	363	Công ty Cổ phần Dược Vacopharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
487	40.887	Pemirolast kali	Alegysal	Lọ	1mg/ml	Nhỏ mắt	6.01	VN-17584-13	1200	76760	Santen Pharmaceutical Co. Ltd.	Nhật	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
488	40.520	Perindopril	Perindopril 4	Viên	4mg	Uống	1.01	VD-34695-20	48000	272	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
489	40.520	Perindopril	Oceperido	Viên	4mg	Uống	1.01	VD-32181-19	24000	3199	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
490	40.520	Perindopril	Opecosyl argin 5	viên	5 mg	Uống	1.01	VD-25237-16	120000	1900	Công ty cổ phần Dược phẩm OPV	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ QUẢNG TRỊ	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
491	40.520	Perindopril	Cosaten	Viên	4mg	Uống	1.01	VD-18905-13	24000	740	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
492	40.520	Perindopril	Coversyl 5mg	Viên	5mg	Uống	1.01	VN-17087-13	10000	5028	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
493	40.521	Perindopril + amlodipin	Viacoram 3.5mg/2.5mg	Viên	3,5mg; 2,5mg	Uống	1.01	VN3-46-18	48000	5960	Servier (Ireland) Industries Ltd	Iceland	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89

494	40.521	Perindopril + amlodipin	Amlessa 4mg/5mg tablets	Viên	4mg + 5mg	Uống	1.01	VN-22312-19	60000	4095	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC VSK	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
495	40.521	Perindopril + amlodipin	Coveram 5mg/10mg	Viên	5mg; 10mg	Uống	1.01	VN-18634-15	24000	6589	Servier Ireland Industries Ltd	Iceland	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
496	40.521	Perindopril + amlodipin	Coveram 5mg/5mg	Viên	5mg; 5mg	Uống	1.01	VN-18635-15	24000	6589	Servier Ireland Industries Ltd	Iceland	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
497	40.521	Perindopril + amlodipin	Viacoram 7mg/5mg	Viên	7mg; 5mg	Uống	1.01	VN3-47-18	48000	6589	Servier (Ireland) Industries Ltd	Iceland	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
498	40.136	Phenobarbital	Phenobarbital	Viên	100mg	Uống	1.01	VD-26868-17	1000	198	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
499	40.121	Phenylephrin	Phenylephrine Aguettant 50 Microgrammes/	Bơm tiêm	50mcg/ml	Tiêm	2.10	VN-21311-18	300	194500	Laboratoire Aguettant	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
500	40.448	Phytomenadion (vitamin K1)	Vik 1 inj.	ống	10mg/ml	Tiêm	2.10	VN-21634-18	4800	11000	Dai Han Pharm. Co., Ltd.	Hàn Quốc	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ PHƯƠNG	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
501	40.448	Phytomenadion (vitamin K1)	Vinphyton 1mg	Ống	1mg/1ml	Tiêm	2.10	VD3-76-20	4800	993	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
502	40.576	Piracetam	Apratam	Viên	400mg	Uống	1.01	VN-15827-12	120000	1550	Arena Group S.A.	Romania	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI TÂM VIỆT PHÁT	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
503	40.576	Piracetam	Neuropyl 400	Viên	400mg	Uống	1.01	VD-25094-16	240000	550	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
504	40.576	Piracetam	PRACETAM 1200	Viên	1200mg	Uống	1.01	VD-18536-13	120000	2550	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	CÔNG TY TNHH SAN TA VIỆT NAM	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
505	40.890	Polyethylen glycol + propylen glycol	Novotane ultra	Ống	(0.4%+0.3%)-5ml	Nhỏ mắt	6.01	VD-26127-17	2400	45000	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
506	40.890	Polyethylen glycol + propylen glycol	Systane Ultra	Lọ	0,4% + 0,3%	Nhỏ mắt	6.01	VN-19762-16	2400	60100	Alcon Research, LLC	Mỹ	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT(1717);G1;N1;2023;89
507	40.557	Pravastatin	Pravastatin DWP 5mg	Viên	5mg	Uống	1.01	VD-35850-22	240000	1134	Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
508	40.557	Pravastatin	Pravastatin SaVi 10	Viên	10mg	Uống	1.01	VD-25265-16	60000	4200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
509	40.557	Pravastatin	Fasthan 20	Viên	20mg	Uống	1.01	VD-28021-17	60000	6450	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	CÔNG TY TNHH NACOPHARM MIỀN NAM	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
510	40.557	Pravastatin	Biovacor	Viên	30mg	Uống	1.01	VD-35708-22	60000	2940	Công ty TNHH Sinh Dược Phẩm Hera	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
511	40.138	Pregabalin	Antivic 75	Viên	75mg	Uống	1.01	VD-26751-17	3000	599	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CP DP AN THIÊN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
512	40.138	Pregabalin	Davyca-F	Viên	150mg	Uống	1.01	VD-19655-13	3000	3090	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
513	40.816	Propylthiouracil (PTU)	Basethyrox	Viên	100mg	Uống	1.01	VD-21287-14	5000	735	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89

514	40.680	Rabeprazol	RABEPAGI 10	Viên	10mg	Uống	1.01	VD-28832-18	120000	1470	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
515	40.680	Rabeprazol	Rabeprazol 20mg	Viên	20mg	Uống	1.01	VD-35672-22	120000	405	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
516	40.680	Rabeprazol	Naprozole - R	Lọ	20mg	Tiêm	2.10	VN-19509-15	3000	112000	Naprod Life Sciences Pvt. Ltd	ACY002	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
517	40.680	Rabeprazol	Rabeloc I.V.	Lọ	20mg	Tiêm	2.10	VN-16603-13	3000	133300	Cadila Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HELIOS	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
518	40.1026.2	Ringer acetat	Acetate Ringer's Otsuka	Chai	Mỗi 500ml chứa:	Tiêm truyền	2.15	VD-24018-15	3000	16000	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	799/QĐ-SYT(1717);G1;N4;2023;89
519	40.1026	Ringer lactat	Ringer lactate	Chai	500ml	Tiêm truyền	2.15	VD-22591-15	36000	7130	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
520	40.1026	Ringer lactat	Lactated Ringer's Injections	Chai	500ml	Tiêm truyền	2.15	VN-22250-19	3000	19500	Vioser S.A Parenteral Solutions Industry	Hy Lạp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG	799/QĐ-SYT(1717);G1;N1;2023;89
521	40.1026.3	Ringerfundin	Ringerfundin	Chai	3,4g/500ml + 0,15g/500	Tiêm truyền	2.15	VN-18747-15	3000	19950	B. Braun Melsungen AG	Đức	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT(1717);G1;N1;2023;89
522	40.450	Rivaroxaban	Xarelto	Viên	10mg	Uống	1.01	VN-21680-19	1000	58000	Bayer AG	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
523	40.450	Rivaroxaban	Xarelto	Viên	15 mg	Uống	1.01	VN-19013-15	1000	58000	Bayer AG	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
524	40.558	Rosuvastatin	Ravastel-5	Viên	5mg	Uống	1.01	VD-27450-17	120000	480	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
525	40.558	Rosuvastatin	Rosuvas Hasan 5	viên	5mg	Uống	1.01	VD-25026-16	240000	840	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC VIỆT	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
526	40.558	Rosuvastatin	Rosuvastatin 10	Viên	10mg	Uống	1.01	VD-35415-21	60000	280	Công ty cổ phần dược Medipharco	Việt Nam	CÔNG TY CP DƯỢC MEDIPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
527	40.558	Rosuvastatin	Rosuvastatin 5	Viên	5mg	Uống	1.01	VD-35417-21	60000	275	Công ty cổ phần dược Medipharco	Việt Nam	CÔNG TY CP DƯỢC MEDIPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
528	40.733	Saccharomyces boulardii	Zentomyces	Gói	100mg	Uống	1.01	QLSP-910-15	30000	3600	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar - Austrapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI TÂM VIỆT PHÁT	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
529	40.733	Saccharomyces boulardii	MICEZYM 100	gói	100mg–2,2 6 x 10^9 CFU	Uống	1.01	QLSP-947-16	60000	3927	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
530	40.926	Salbutamol sulfat	Zensalbu nebules 2.5	Ống	2,5mg/2,5 ml	Đường hô hấp	5.06	VD-21553-14	24000	4410	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
531	40.926	Salbutamol sulfat	Ventolin Nebules	Ống	5mg/ 2,5ml	Đường hô hấp	5.06	VN-22568-20	6000	8513	GlaxoSmithKline Australia Pty., Ltd.	Úc	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
532	40.980	Salbutamol sulfat	Vinsalmol 5	Ống	5mg/2,5ml	Đường hô hấp	5.06	VD-30605-18	12000	8400	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
533	40.623	Salicylic acid + betamethason dipropionat	Dibetalic	Tuýp	(3% + 0,064%), tuýp 15g	Dùng ngoài	3.05	VD-23251-15	100	15600	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN TRAPHACO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89

534	40.982	Salmeterol + fluticason propionat	Seretide Evohaler DC 25/125mcg	Bình xịt	25mcg + 125mcg	Dạng hít	5.02	VN-21286-18	500	210176	Glaxo Wellcome S.A	Tây Ban Nha	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
535	40.982	Salmeterol + fluticason propionat	Seretide Evohaler DC 25/250 mcg	Bình xịt	25mcg + 250mcg	Dạng hít	5.02	VN-22403-19	500	278090	Glaxo Wellcome SA,	Tây Ban Nha	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
536	40.429	Sắt fumarat + acid folic	Satavit	Viên	162mg + 750mcg	Uống	1.01	VD-18801-13	24000	835	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
537	40.429	Sắt fumarat + acid folic	Femancia	Viên	305mg + 350mcg	Uống	1.01	VD-27929-17	120000	546	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯỜNG THÀNH	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
538	40.429	Sắt fumarat + acid folic	Folihem	Viên	310mg + 350mcg	Uống	1.01	VN-19441-15	24000	2250	Remedica Ltd.	Síp	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
539	40.751	Silymarin	Silymarin VCP	Viên	140mg	Uống	1.01	VD-31241-18	120000	890	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
540	40.750	Simethicon	AIRFLAT 180	Viên	180mg	Uống	1.01	VD-29425-18	120000	1890	CTY LDDP Mebiphar-Austrapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH TMDP ÚC CHÂU	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
541	40.750	Simethicon	AIR-X 120	Viên	120mg	Uống	1.01	VN-19126-15	240000	1365	R.X. Manufacturing Co.,Ltd	Thái Lan	CÔNG TY TNHH TMDP ÚC CHÂU	799/QĐ-SYT;G1;N5;2023;89
542	40.750	Simethicon	Flabivi	Chai	20 mg/0,3ml	Uống	1.01	VD-27681-17	3000	16212	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NAM KHANG	799/QĐ-SYT;G1;N5;2023;89
543	40.750	Simethicon	Simecol	Chai	40mg/1ml; 20ml	Uống	1.01	VD-33279-19	1200	28000	Công ty cổ phần dược Apimed	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
544	40.559	Simvastatin	AGISIMVA 20	Viên	20mg	Uống	1.01	VD-24112-16	120000	279	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
545	40.559	Simvastatin	Simvastatin	Viên	10mg	Uống	1.01	VD-21317-14	120000	140	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
546	40.811	Sitagliptin	ZLATKO-25	Viên	25mg	Uống	1.01	VD-23924-15	60000	6000	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
547	40.811	Sitagliptin	SITAGIBES 50	Viên	50mg	Uống	1.01	VD-29669-18	60000	1490	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
548	40.811	Sitagliptin	SITAGIBES 100	Viên	100mg	Uống	1.01	VD-29668-18	60000	2650	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
549	40.30.274	Sofosbuvir + ledipasvir	Soledivir	viên	400mg + 90mg	Uống	1.01	QLĐB-713-18	1000	88600	Công ty TNHH sinh dược phẩm Hera	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
550	40.30.275	Sofosbuvir + velpatasvir	EPCLUSA	Viên	400mg + 100mg	Uống	1.01	VN3-83-18	1000	267750	Patheon Inc. (Đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Gilead Sciences Ireland	Canada	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
551	40.30.426	Solifenacin succinate	Vecarzec 5	viên	5mg	Uống	1.01	VD-34901-20	3000	5481	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
552	40.30.426	Solifenacin succinate	Vecarzec 5	viên	5mg	Uống	1.01	VD-34901-20	3000	5481	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
553	40.225	Spiramycin + metronidazol	Daphazyl	Viên	750.000IU + 125mg	Uống	1.01	VD-28787-18	24000	1495	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89

554	40.225	Spiramycin + metronidazol	RADAUGYL	viên	750.000IU, 125mg	Uống	1.01	VD-19492-13	24000	945	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
555	40.661	Spironolacton	Entacron 25	Viên	25mg	Uống	1.01	VD-25261-16	5000	1575	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DP NGUYÊN ANH KHOA	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
556	40.661	Spironolacton	Spironolacton	Viên	25mg	Uống	1.01	VD-34696-20	5000	321	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
557	40.242	Sulfamethoxazol + trimethoprim	Cotrimoxazol 800/160	Viên	800mg + 160mg	Uống	1.01	VD-34201-20	1000	427	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
558	40.956	Sulpirid	Devodil 50	Viên	50mg	Uống	1.01	VN-19435-15	30000	2600	Remedica Ltd	Síp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC PHẨM NAM TIẾN	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
559	40.956	Sulpirid	SULPRAGI	Viên	50mg	Uống	1.01	VD-25617-16	30000	175	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
560	40.410	Tacrolimus	Thuốc Mỡ Tacropic	Tuýp	10mg/10g	Dùng ngoài	3.05	VD-20364-13	100	70000	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
561	40.30.427	Tamsulosin hydroclorid	Xalgetz 0.4mg	Viên	0,4mg	Uống	1.01	VN-11880-11	3000	3150	Getz Pharma (Pvt) Ltd	Pakistan	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	799/QĐ-SYT(1717);G1;N3;2023;89
562	40.526	Telmisartan	AGIMSTAN 80	Viên	80mg	Uống	1.01	VD-30273-18	120000	510	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
563	40.526	Telmisartan	SaVi Telmisartan 40	Viên	40mg	Uống	1.01	VD-23008-15	120000	1255	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
564	40.526	Telmisartan	Telmisartan	Viên	40mg	Uống	1.01	VD-35197-21	120000	242	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
565	40.526	Telmisartan	Telmisartan OD DWP 40	Viên	40mg	Uống	1.01	VD-35746-22	120000	1491	Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
566	40.527	Telmisartan + hydroclorothiazid	Mibetel HCT	viên	40mg + 12,5mg	uống	1.01	VD-30848-18	120000	3990	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC VIỆT	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
567	40.277	Tenofovir (TDF)	SaVi Tenofovir 300	Viên	300mg	Uống	1.01	VD-35348-21	30000	2478	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
568	40.277	Tenofovir (TDF)	Tefostad T300	Viên	300mg	Uống	1.01	VD-23982-15	30000	2500	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
569	40.277	Tenofovir (TDF)	Tenofovir 300	Viên	300mg	Uống	1.01	VD3-175-22	90000	1410	Công ty cổ phần dược Medipharco	Việt Nam	CÔNG TY CP DƯỢC MEDIPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
570	40.303	Terbinafin (hydroclorid)	Kem Tenafin 1%	Tuýp	Mỗi 1g kem chứa Terbinafin	Dùng ngoài	3.05	VD-32014-19	100	24990	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
571	40.892	Tetracain	TETRACAIN 0,5%	Chai	50mg	Nhỏ mắt	6.01	VD-31558-19	200	15015	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
572	40.247	Tetracyclin hydroclorid	Tetracyclin 1%	Tuýp	1%/5g	Tra mắt	6.02	VD-26395-17	2400	3200	Công ty cổ phần dược Medipharco	Việt Nam	CÔNG TY CP DƯỢC MEDIPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
573	40.817	Thiamazol	Mezamazol	Viên	5mg	Uống	1.01	VD-21298-14	5000	399	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯỜNG THÀNH	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89

574	40.817	Thiamazol	GLOCKNER-10	Viên	10mg	Uống	1.01	VD-23920-15	5000	1890	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
575	40.817	Thiamazol	Thysedow 10 mg	Viên	10mg	Uống	1.01	VD-27216-17	5000	525	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯỜNG THÀNH	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
576	40.57	Tiaprofenic acid	Sunigam 100	Viên	100mg	Uống	1.01	VD-28968-18	20000	4900	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM PVN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
577	40.30.564	Ticagrelor	Brilinta	Viên	90mg	Uống	1.01	VN-19006-15	5000	15873	AstraZeneca AB	Thụy Điển	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
578	40.894	Timolol	Timolol Maleate Eye Drops 0,5%	Lọ	5mg/ml	Nhỏ mắt	6.01	VN-21434-18	1200	42200	SA Alcon-Couvreur NV	Bỉ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
579	40.469	Tinh bột este hóa (hydroxyethyl starch)	Volulyte 6%	Túi	6%, 500ml	Tiêm truyền	2.15	VN-19956-16	1000	84800	Fresenius Kabi Deutschland GmbH	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
580	40.840	Tizanidin hydroclorid	Tizanidin DWP 4mg	Viên	4mg	Uống	1.01	VD-36173-22	6000	2436	Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯỜNG THÀNH	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
581	40.206	Tobramycin	PHILTOBAX EYE DROPS	Lọ	15mg/5ml	Nhỏ mắt	6.01	VN-19519-15	1200	27500	Hanlim Pharm Co, Ltd	Hàn Quốc	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
582	40.206	Tobramycin	Biracin-E	Lọ	0,3%/5ml	Nhỏ mắt	6.01	VD-23135-15	1200	2730	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
583	40.206	Tobramycin	Eyetobrin 0,3%	Lọ	3mg/ml	Nhỏ mắt	6.01	VN-21787-19	1200	33390	Cooper S.A. Pharmaceuticals	Hy Lạp	CÔNG TY TNHH DP ĐỨC ANH	799/QĐ-SYT(1717);G1;N1;2023;89
584	40.207	Tobramycin + dexamethason	TOBCOL - DEX	Chai	15mg; 5mg	Nhỏ mắt	6.01	VD-26086-17	2400	6300	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
585	40.207	Tobramycin + dexamethason	Dex-Tobrin	Lọ	3mg/1ml + 1mg/1ml	Nhỏ mắt	6.01	VN-16553-13	1200	43200	Balkanpharma Razgrad AD	Bulgaria	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
586	40.451	Tranexamic acid	Duhemos 500	viên	500mg	Uống	1.01	VD-27547-17	24000	2499	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
587	40.451	Tranexamic acid	Acid tranexamic 500mg	Viên	500mg	Uống	1.01	VD-26894-17	24000	1572	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
588	40.451	Tranexamic acid	Tranexamic acid 250mg/5ml	Ống	250mg/5ml	Tiêm	2.10	VD-26911-17	4800	1598	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	799/QĐ-SYT;G1;N5;2023;89
589	40.451	Tranexamic acid	Tranexamic acid 250mg/5ml	Ống	250mg/5ml	Tiêm	2.10	VD-26911-17	4800	1598	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
590	40.451	Tranexamic acid	Tranexamic acid 500mg/5ml	Ống	500mg/5ml	Tiêm	2.10	VD-26912-17	4800	4410	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
591	40.779	Triamcinolon acetonid	Amcinol - Paste	Tuýp	5mg	Dùng ngoài	3.05	VD-34334-20	200	10000	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
592	40.779	Triamcinolon acetonid	Amcinol - Paste	Tuýp	5mg	Dùng ngoài	3.05	VD-34334-20	200	10000	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
593	40.754	Trimebutin maleat	AGITRITINE 100	Viên	100mg	Uống	1.01	VD-31062-18	12000	290	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89

594	40.481	Trimetazidin	Vastec 35 MR	viên	35mg	Uống	1.01	VD-27571-17	240000	404	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	CÔNG TY CP DƯỢC HẬU GIANG	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
595	40.481	Trimetazidin	Vartel 20mg	viên	20mg	Uống	1.01	VD-25935-16	240000	600	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
596	40.481	Trimetazidin	Metazydyna	Viên	20mg	Uống	1.01	VN-21630-18	240000	1800	Adamed Pharma S.A.	Ba Lan	CÔNG TY CỔ PHẦN TMDV THĂNG LONG	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
597	40.481	Trimetazidin	Vaspycar MR	viên	35 mg	Uống	1.01	VD-24455-16	480000	345	Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
598	40.481	Trimetazidin	Trimpol MR	Viên	35 mg	Uống	1.01	VN-19729-16	60000	2600	Polfarmex S.A	Ba Lan	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIM PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
599	40.481	Trimetazidin	Vaspycar MR	viên	35mg	Uống	1.01	VD-24455-16	480000	345	Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;89
600	40.481	Trimetazidin	Vastarel OD 80mg	Viên	80mg	Uống	1.01	VN3-389-22	120000	5410	Egis Pharmaceuticals PLC - Production site of Kärmend H-9900	Hungary	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
601	40.756	Ursodeoxycholic acid	CUELLAR	Viên	150mg	Uống	1.01	VD-19654-13	30000	4200	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY TNHH SAN TA VIỆT NAM	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
602	40.756	Ursodeoxycholic acid	Acid Ursodeoxycholic 200mg	Viên	200mg	Uống	1.01	VD-35381-21	30000	2700	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN TRAPHACO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
603	40.141	Valproat natri	Milepsy 200	viên	200mg	Uống	1.01	VD-33912-19	30000	1323	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
604	40.528	Valsartan	VALSGIM 80	Viên	80mg	Uống	1.01	VD-23495-15	48000	695	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
605	40.528	Valsartan	Valsartan cap DWP 80 mg	Viên	80mg	Uống	1.01	VD-35593-22	240000	1995	Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	799/QĐ-SYT(1717);G1;N4;2023;89
606	40.258	Vancomycin	Vancomycin	Lọ	500mg	Tiêm	2.10	VD-24905-16	500	16000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
607	40.258	Vancomycin	Vancomycin 1g	Lọ	1g	Tiêm	2.10	VD-31254-18	1000	30300	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
608	40.258	Vancomycin	Vecmid 1gm	Lọ	1g	Tiêm	2.10	VN-22662-20	500	79000	Swiss Parenterals Pvt. Ltd	Ấn Độ	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC AN MÔN	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
609	40.812	Vildagliptin	Vigorito	viên	50mg	Uống	1.01	VD-21482-14	60000	5000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ QUẢNG TRỊ	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
610	40.30.795	Vildagliptin + metformin	Galvus Met 50mg/1000mg	Viên	50mg+1000mg	Uống	1.01	VN-19291-15	6000	9274	Novartis Pharma Produktions GmbH	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;89
611	40.1047	Vitamin A	AGIRENYL	Viên	5000IU	Uống	1.01	VD-14666-11	24000	225	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
612	40.1050	Vitamin B1 + B6 + B12	3B - Medi	Viên	125mg 125mg 250mcg	Uống	1.01	VD-22915-15	60000	1197	Công ty Cổ phần Dược phẩm Medisun	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM IVY	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
613	40.1050	Vitamin B1 + B6 + B12	Cosyndo B	Viên	175mg + 175mg + 125mcg	Uống	1.01	VD-17809-12	60000	1150	Armephaco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN SUNDIAL PHARMA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89

614	40.1050	Vitamin B1 + B6 + B12	HOVINLEX	Viên	200mg + 100mg + 1mg	Uống	1.01	VD-33261-19	60000	1900	Công ty CP dược-vật tư y tế Thanh Hóa (Thephaco)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ÂU VIỆT	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
615	40.1050	Vitamin B1 + B6 + B12	Scanneuron-Forte	Viên	250mg + 250mg + 1000mcg	Uống	1.01	VD-22013-14	60000	1952	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm-Chi nhánh 1	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
616	40.1055	Vitamin B6 + magnesi lactat	Obibebe	Ống	5mg + 470mg	Uống	1.01	VD-21297-14	60000	4070	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM META	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
617	40.1055	Vitamin B6 + magnesi lactat	Neurixal	viên	5mg + 470mg	Uống	1.01	VD-28552-17	30000	1848	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
618	40.1057	Vitamin C	Amsurvit-C 1000	Viên	1g	Uống	1.01	VD-33526-19	12000	1750	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
619	40.1061	Vitamin E	Incepavit 400 Capsule	Viên	400IU	Uống	1.01	VN-17386-13	24000	1850	Incepta Pharmaceuticals Ltd	Banglade sh	CÔNG TY TNHH NACOPHARM MIỀN NAM	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;89
620	40.1061	Vitamin E	Vitamin E 400IU	Viên	400IU	Uống	1.01	VD-18448-13	2400	449	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
621	40.1061	Vitamin E	Vitamin E 400IU	Viên	400IU	Uống	1.01	VD-18448-13	60000	449	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89
622	40.1064	Vitamin PP	Vitamin PP	Viên	500mg	Uống	1.01	VD-31750-19	24000	207	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;89

LẬP BẢNG

DSCKI.ThS. Nguyễn Ngọc Sĩ

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH AN GIANG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TÂN CHÂU

BSCKII. Nguyễn Văn No